

Số: 5702/QĐ-ĐHSP

Thái Nguyên, ngày 31 tháng 12 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Bản mô tả chương trình đào tạo Cử nhân Sư phạm

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

Căn cứ Nghị định số 31/CP ngày 04 tháng 4 năm 1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 2424/QĐ-ĐHTN ngày 22 tháng 10 năm 2015 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Đại học Thái Nguyên, các cơ sở giáo dục đại học thành viên và đơn vị trực thuộc;

Căn cứ Nghị quyết số 40/NĐ-HĐT ngày 29 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Sư phạm về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Sư phạm;

Căn cứ Công văn số 1074/KTKĐCLGD-KĐĐH, ngày 28 tháng 6 năm 2016 của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục-Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn hướng dẫn chung về sử dụng tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDĐH;

Căn cứ Kế hoạch số 376/KH-ĐHSP ngày 24 tháng 02 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm về việc rà soát, cập nhật, điều chỉnh và phát triển chương trình đào tạo trình độ đại học áp dụng từ khóa 55 của Trường Đại học Sư phạm;

Căn cứ Công văn số 580/CV-ĐHSP ngày 17 tháng 3 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm về việc hướng dẫn điều chỉnh, cập nhật chương trình đào tạo năm 2020;

Theo đề nghị của Trường phòng Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Bản mô tả các chương trình đào tạo Cử nhân Sư phạm Khóa 55 của Trường Đại học Sư phạm.

Điều 2. Bản mô tả chương trình đào tạo là tài liệu cung cấp thông tin chi tiết về chương trình đào tạo Cử nhân Sư phạm giúp người học, nhà tuyển dụng lao động và các bên liên quan khác hiểu về chương trình đào tạo; là tài liệu phục vụ cho hoạt động rà soát nội bộ và giám sát các hoạt động của chương trình đào tạo.

Điều 3. Trường phòng Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục, các trường đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./. B

Nơi nhận: 

- Như Điều 3 (đề t/h);

- Lưu: VT, các khoa, KT&ĐBCLGD (03), 15.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Bùi Đức Nguyên

**BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
CỬ NHÂN SƯ PHẠM GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ**

(kèm theo Quyết định số 5102/QĐ-ĐHSP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên)

I. Mô tả chương trình đào tạo

1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo cử nhân sư phạm Giáo dục Chính trị được điều chỉnh năm 2020 trên cơ sở mục tiêu phát triển các ngành sư phạm thuộc trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên đáp ứng yêu cầu đào tạo theo nhu cầu xã hội và đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo.

Trong quá trình cập nhật, điều chỉnh, chương trình đào tạo cử nhân sư phạm Giáo dục Chính trị đã kế thừa chương trình đã xây dựng trước đó; đồng thời có tham khảo các chương trình sư phạm cùng nhóm ngành trong nước. Chương trình đào tạo cử nhân sư phạm Giáo dục Chính trị cũng xây dựng dựa trên cơ sở bám sát cách tiếp cận phát triển năng lực người học, phù hợp với giáo dục phổ thông. Các môn học trong chương trình đều được giảng dạy bởi những giảng viên đạt chuẩn và trên chuẩn về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

Chương trình đào tạo cử nhân sư phạm Giáo dục Chính trị được đào tạo dựa trên nền tảng đầy đủ về cơ sở vật chất của trường Đại học sư phạm – Đại học Thái Nguyên. Các yếu tố về cơ sở vật chất như phòng học, thư viện, sân thể thao... đều đáp ứng yêu cầu học tập và rèn luyện cho người học. Khi tham gia học chương trình đào tạo cử nhân sư phạm Giáo dục Chính trị, người học còn được hưởng các chính sách ưu tiên theo quy định của Nhà nước. Sinh viên tốt nghiệp ra trường có cơ hội việc làm cao và được nhà tuyển dụng đánh giá tốt về khả năng làm việc cũng như năng lực chuyên môn, nghiệp vụ.

2. Thông tin chung về chương trình đào tạo

Tên chương trình (tiếng Việt)	Cử nhân sư phạm Giáo dục Chính trị
Tên chương trình (tiếng Anh)	Bachelor of Political Education
Mã ngành đào tạo	
Trường cấp bằng	Trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên
Tên gọi văn bằng	Cử nhân
Trình độ đào tạo	Đại học
Số tín chỉ yêu cầu	133

Hình thức đào tạo	Chính quy
Thời gian đào tạo	4 năm
Đối tượng tuyển sinh	Học sinh tốt nghiệp THPT
Thang điểm đánh giá	10
Điều kiện tốt nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> - Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của chương trình đào tạo: 133; - Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2.0 trở lên; - Có chứng chỉ giáo dục quốc phòng và giáo dục thể chất; - Đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ. - Đạt chuẩn đầu ra về công nghệ thông tin.
Vị trí việc làm	<p>Sau khi tốt nghiệp sinh viên có thể đảm nhận các vị trí làm việc sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên dạy Giáo dục công dân ở trường THCS - Giáo viên dạy môn giáo dục Công dân, Giáo dục Kinh tế và pháp luật ở trường THPT, trung cấp chuyên nghiệp, các trường dạy nghề. - Giảng viên giảng dạy Lý luận chính trị tại các Viện, Học viện, các trường Đại học, cao đẳng; các trường và trung tâm Chính trị. - Công chức, viên chức công tác tại các cơ quan, tổ chức chính trị - xã hội từ Trung ương đến địa phương.
Học tập nâng cao trình độ	<ul style="list-style-type: none"> - Người tốt nghiệp có thể tiếp tục học thạc sĩ và tiến sĩ các chuyên ngành chuyên sâu thuộc các môn khoa học Mác - Lênin, Hồ Chí Minh học, Chính trị học, Tôn giáo học, Kinh tế học, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Quản lý giáo dục... - Có thể tham gia các chương trình/khóa đào tạo, bồi dưỡng sau đại học tại nước ngoài hoặc của các tổ chức quốc tế tại Việt Nam
Chương trình tham khảo khi xây dựng	<ul style="list-style-type: none"> - Chương trình cử nhân Giáo dục chính trị, cử nhân sư phạm Giáo dục công dân của trường Đại học Sư phạm Hà Nội - Chương trình cử nhân Giáo dục công dân của trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2 - Chương trình cử nhân Giáo dục Chính trị của trường Đại học Sài Gòn - Chương trình cử nhân sư phạm Giáo dục Chính trị của trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh
Thời gian cập nhật bản mô tả CTĐT	12/2020

3. Mục tiêu đào tạo của chương trình

3.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân Sư phạm Giáo dục chính trị có chất lượng cao, phẩm chất chính trị, đạo đức tốt; có kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ vững vàng; có năng lực tự học, tự nghiên cứu; có năng lực tư duy, sáng tạo, năng lực học tập ở bậc học cao hơn; có năng lực phản biện xã hội, tinh thần trách nhiệm cao trong nghề nghiệp; đáp ứng yêu cầu xã hội và phục vụ đắc lực sự nghiệp giáo dục - đào tạo, phát triển kinh tế - xã hội của cả nước, đặc biệt là khu vực trung du, miền núi phía Bắc.

3.2. Mục tiêu cụ thể

** Kiến thức:*

PO1. Có kiến thức lý luận và thực tiễn toàn diện, chuyên sâu về ngành Giáo dục Chính trị, Lý luận chính trị, Giáo dục công dân, Giáo dục Kinh tế và pháp luật.

PO2. Có kiến thức về Lý luận dạy học - giáo dục, tâm lý học nói chung, các kiến thức lý luận dạy học Giáo dục Chính trị, Giáo dục công dân, Giáo dục Kinh tế và pháp luật.

PO3. Có kiến thức về công nghệ thông tin và truyền thông; có trình độ tiếng Anh cơ bản và kiến thức về quốc phòng, an ninh

** Kỹ năng*

PO4. Có kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng tư duy khoa học, kỹ năng mềm trong giải quyết các vấn đề thực tiễn giáo dục và nghề nghiệp.

PO5. Có các kỹ năng, tư duy trong hoạt động kinh tế, xử lý tình huống đạo đức và pháp luật

PO6. Có kỹ năng về công nghệ thông tin và truyền thông; kỹ năng sử dụng tiếng Anh trong giao tiếp và hoạt động chuyên môn.

PO7. Thực hiện được các phương pháp, hình thức kiểm tra đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của học sinh.

PO8. Có khả năng tự học, nâng cao trình độ, tự lập nghiệp, có khả năng tự học, lập kế hoạch học tập, trải nghiệm, đổi mới và học tập suốt đời.

** Thái độ*

PO9. Có phẩm chất đạo đức tốt, có trách nhiệm với xã hội, có năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm.

PO10. Có trách nhiệm với đất nước, trung thành với chế độ, mục tiêu lý tưởng của Đảng. Biết bảo vệ những cái tốt, cái đúng, cái tiến bộ và biết phê phán những cái xấu, cái bảo thủ, lạc hậu.

4. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Chương trình được thiết kế để đảm bảo sinh viên tốt nghiệp đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:

4.1. Kiến thức

** Kiến thức chung*

PLO1: Vận dụng được kiến thức cơ bản về lý luận chính trị và pháp luật Việt Nam trong hoạt động thực tiễn của bản thân và công việc.

PLO2. Vận dụng được các kiến thức tâm lý học, giáo dục học, quản lý nhà trường để tổ chức hoạt động dạy học và giáo dục.

** Kiến thức chuyên môn*

PLO3. Hiểu được các kiến thức nền tảng, chuyên sâu về khoa học lý luận chính trị, kinh tế và pháp luật cần thiết cho công việc và hoạt động thực tiễn của bản thân.

PLO4. Vận dụng được các kiến thức nền tảng, chuyên sâu về khoa học lý luận chính trị, kinh tế và pháp luật vào dạy học GDCD ở trường phổ thông và các môn lý luận chính trị ở trường chuyên nghiệp

PLO5. Hiểu được các kiến thức về phương pháp dạy học, phương pháp giáo dục Đạo đức, Giáo dục Công dân, Giáo dục Kinh tế và pháp luật và các môn Lý luận chính trị.

PLO6. Vận dụng được các kiến thức cơ bản, chuyên sâu về lý luận chính trị để giải quyết những công việc đảng, đoàn thể và chính quyền nhà nước.

4.2. Về kỹ năng

*** Kỹ năng chung**

PLO7: Giao tiếp hiệu quả và thực hiện được hoạt động tư vấn trong hoạt động dạy học, giáo dục và hướng nghiệp.

PLO8: Khai thác được các ứng dụng của công nghệ thông tin trong tự học, nghiên cứu khoa học, dạy học, đánh giá và quản lý học sinh.

PLO9: Sử dụng được tiếng Anh tương đương bậc 3/6 trong giao tiếp và hoạt động chuyên môn.

*** Kỹ năng chuyên môn**

PLO10: Vận dụng thành thạo các phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá trong dạy học bộ môn để phát triển năng lực người học.

PLO11: Vận dụng các kiến thức đã học để tổ chức và quản lý các hoạt động trải nghiệm, thực hành nghề nghiệp chuyên môn, nghiệp vụ một cách sáng tạo

PLO12: Thực hiện được các kỹ năng hợp tác, phản biện, phân tích, đánh giá tình huống nảy sinh trong thực tiễn công việc và cuộc sống.

PLO13: Vận dụng thành thạo phương pháp giáo dục đã học để xử lý sáng tạo các tình huống nảy sinh trong hoạt động thực tiễn.

4.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

PLO14: Thực hiện đúng quy định về đạo đức nhà giáo, quy chế dân chủ ở trường phổ thông

PLO15: Vận dụng được kiến thức, kỹ năng chuyên môn vào quá trình làm việc độc lập, theo nhóm và tự học suốt đời.

PLO16: Vận dụng được kiến thức, kỹ năng chuyên môn vào phát triển nghề nghiệp; có năng lực dẫn dắt chuyên môn và tìm kiếm cơ hội khởi nghiệp

5. Ma trận mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mục tiêu cụ thể	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, PLOs				
	Kiến thức	Kiến thức chuyên môn	Kỹ năng chung	Kỹ năng chuyên môn	Năng lực tự chủ và trách

	chung													nhiệm		
	PL O 1	PL O 2	PL O 3	PL O 4	PL O 5	PL O 6	PL O 7	PL O 8	PL O 9	P L O 10	P L O 11	P L O 12	P L O 13	PL O 14	P L O 15	PL O 16
PO1	x		X	x		x					x	x		x	x	x
PO2		x			x		x			x	x	x	x		x	x
PO3								x	x						x	x
PO4		x					x				x	x	x			
PO5							x			x	x	x	x			
PO6								x	x							
PO7					x					x						
PO8											x	x			x	x
PO9														x		x
PO10	x	x	X										x	x		x

6. Phương pháp/chiến lược dạy – học và phương pháp kiểm tra đánh giá

6.1. Phương pháp/chiến lược dạy – học

6.1.1. Chuẩn bị của giảng viên

- Chuẩn bị hồ sơ dạy học: Đề cương học phần, Kế hoạch dạy học, Giáo trình, sách tham khảo...

- Chuẩn bị phương pháp, phương tiện dạy học và những hình thức dạy học thích hợp

6.1.2. Các phương pháp/chiến lược dạy học

Mỗi môn học trong chương trình đều được sử dụng phối hợp nhiều phương pháp dạy học khác nhau như: thuyết trình, thảo luận, dự án, nghiên cứu trường hợp, thực hành, bài tập...

Phương pháp thuyết trình: Được sử dụng chủ yếu trong giảng dạy nội dung kiến thức lí thuyết của các học phần. Mục đích của việc sử dụng phương pháp này là giúp sinh viên nắm vững và có hiểu biết sâu sắc về những nội dung lí thuyết của học phần

Phương pháp thảo luận: Được sử dụng đối với những nội dung kiến thức phức hợp, khó đòi hỏi phải huy động tri thức, kỹ năng của nhiều người. Mục đích của phương pháp này là giúp sinh viên hiểu rõ hơn kiến thức phức hợp, khó; rèn luyện các năng lực: sử dụng ngôn ngữ, thuyết trình trước đám đông, làm việc theo nhóm...; hình thành năng lực tự chủ và trách nhiệm, giúp nâng cao khả năng học tập suốt đời của sinh viên.

Phương pháp dự án: Được sử dụng đối với những nội dung kiến thức phức hợp, đòi hỏi phải có sự tham gia của nhiều người trong một thời gian nhất định. Mục đích của phương pháp này là giúp sinh viên hình thành kiến thức một cách có hệ thống;

nâng cao năng lực hợp tác, lập kế hoạch, thực hiện kế hoạch chuyên môn một cách hợp lý.

Phương pháp nghiên cứu trường hợp điển hình: được sử dụng để gắn kết kiến thức lý thuyết với thực tế. Việc sử dụng phương pháp này giúp sinh viên hiểu rõ hơn ý nghĩa phương pháp luận của môn học và biết vận dụng lý luận đã học vào giải quyết những tình huống nảy sinh trong thực tế cuộc sống.

Phương pháp thực hành: Được sử dụng đối với các học phần thực hành độc lập hoặc được lồng vào nội dung của môn học. Mục đích là rèn luyện kỹ năng thực hành nghiệp vụ sư phạm cho sinh viên, giúp sinh viên nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ.

Phương pháp bài tập: Được sử dụng đối với phần kiến thức bài tập. Mục đích là vận dụng kiến thức môn học vào việc giải quyết các bài tập thực hành và giải thích các hiện tượng nảy sinh trong thực tế cuộc sống liên quan đến môn học. Phương pháp này giúp hình thành năng lực tự chủ và trách nhiệm, giúp nâng cao khả năng học tập suốt đời của sinh viên.

6.1.3. Cải tiến, nâng cao chất lượng dạy học

Chương trình đào tạo được rà soát, điều chỉnh định kỳ 2 năm/1 lần để điều chỉnh kịp thời với xu hướng phát triển của sách giáo khoa và chương trình phổ thông cũng như các quan điểm, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước.

Trong mỗi năm học, chương trình đều được thực hiện đúng với bản mô tả. Mỗi học kỳ, các bộ môn đều có kế hoạch dự giờ giảng viên nhằm đánh giá kết quả dạy học của giảng viên, trên cơ sở đó các giảng viên giúp đỡ, chia sẻ kinh nghiệm để nâng cao chất lượng dạy học.

Trong mỗi năm học, các học phần được giảng dạy trong năm còn được định kỳ lấy ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên, từ đó giúp giảng viên điều chỉnh quá trình dạy học nhằm nâng cao chất lượng dạy học.

6.2. Phương pháp kiểm tra đánh giá

6.2.1. Hình thức đánh giá của học phần và trọng số điểm

Sử dụng thang điểm 10 (mười) cho tất cả các đánh giá trong khóa học

6.2.2. Tiêu chí đánh giá và thanh điểm (Rubrics đánh giá)

Số tín chỉ của học phần	Số điểm đánh giá quá trình			Tổng số đầu điểm quá trình
	Chuyên cần	Thường xuyên	Số bài kiểm tra định kỳ	
2	1	1	1	3
3-4	1	2	2	5
5	1	2	3	6

- Trọng số điểm:

+ *Đánh giá quá trình: 50% (số % các điểm đánh giá quá trình của từng học phần được quy định chi tiết trong đề cương học phần)*

+ *Thi kết thúc học phần: 50%*

II. Mô tả chương trình dạy học (Curriculum)

1. Cấu trúc chương trình dạy học

TT	Khối kiến thức, số tín chỉ	Loại học phần	Số tín chỉ
1.	Kiến thức chung: 29 tín chỉ + Khối kiến thức chung : 14 + Khối kiến thức chung theo lĩnh vực: 15	Bắt buộc	27
		Tự chọn	2
2.	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 61 tín chỉ + Khối kiến thức chung của khối ngành (Kiến thức cơ sở ngành): 23 + Khối kiến thức chung của nhóm ngành (Kiến thức chuyên ngành): 38	Bắt buộc	57
		Tự chọn	4
3.	Kiến thức nghiệp vụ sư phạm: 36 tín chỉ	Bắt buộc	34
		Tự chọn	2
4.	Khoá luận, các học phần thay thế khoá luận tốt nghiệp: 07 tín chỉ	Bắt buộc	0
		Tự chọn	7
Tổng số			133

- Khối kiến thức chung, gồm 17 học phần. Khối kiến thức chung giúp người học có kiến thức nền tảng về khoa học xã hội, lý luận chính trị đại cương, tiếng Anh và giáo dục thể chất để người học vận dụng những kiến thức đó thực tiễn nghề nghiệp của bản thân.

- Kiến thức chuyên nghiệp, gồm 35 học phần. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp giúp người học có được kiến thức chuyên môn toàn diện, chuyên sâu ứng dụng vào thực tiễn nghề nghiệp chuyên môn của bản thân cũng như trong dạy học môn Giáo dục công dân, tổ chức các hoạt động giáo dục học sinh ở trường phổ thông. Đồng thời khối kiến thức này còn giúp người học phát triển các năng lực chuyên biệt cần thiết để sau này có thể làm tốt nghề nghiệp chuyên môn một cách khoa học, sáng tạo.

- Kiến thức nghiệp vụ sư phạm, gồm 19 học phần. Khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm giúp cho người học hiểu và vận dụng được các phương pháp giảng dạy, phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập, rèn luyện và sự tiến bộ của học sinh; người học biết vận dụng các tri thức đã học vào nghiên cứu, giảng dạy, tổ chức hoạt động trải nghiệm cho học sinh ở các cấp bậc học khác nhau.

- Khoá luận, các học phần thay thế khoá luận tốt nghiệp, gồm 06 học phần. Khối kiến thức này giúp cho người có hiểu biết sâu sắc hơn về lĩnh vực chuyên môn, nghiệp vụ. Khối kiến thức này còn giúp người học phát triển năng lực nghiên cứu khoa học một cách độc lập, sáng tạo và có thể tiếp tục học tập ở trình độ cao hơn.

2. Danh sách các học phần

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
Kiến thức chung			
1	55SPH141	Triết học Mác - Lênin	4
2	55SPE131	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	3
3	55SSO121	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2
4	55HCM121	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2
5	55HPV131	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	3
6	55PHE111	Giáo dục thể chất 1	
7	55PHE112	Giáo dục thể chất 2	
8	55PHE113	Giáo dục thể chất 3	
9	55MIE131	Giáo dục quốc phòng	
10	55ENG131	Tiếng Anh 1	3
11	55ENG132	Tiếng Anh 2	3
12	55ENG143	Tiếng Anh 3	4
13	55GIF131	Tin học đại cương	3
14	55GME121	Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành	2
15	55VIU121	Tiếng Việt thực hành	2
16	55HFV121	Đại cương Lịch sử Việt Nam	2
17	55PAD121	Văn bản hành chính công vụ	2
Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			
1	55REL221	Tôn giáo học	2
2	55LOG231	Lôgic học	3
3	55LSE231	Giáo dục kỹ năng sống	3
4	55CUL221	Văn hóa học	2
5	55SCI221	Xã hội học	2
6	55MOH221	Phương pháp và phong cách HCM	2
7	55SPO221	Chính trị học	2
8	55FEC231	Kinh tế học đại cương	3
9	55AED221	Mỹ học và giáo dục thẩm mỹ	2
10	55INR221	Quan hệ quốc tế	2
11	55MCM221	Chủ nghĩa tư bản hiện đại	2
12	55HPV221	Lịch sử tư tưởng triết học Việt Nam	2
13	55HPT221	Lịch sử các học thuyết chính trị	2
14	55HET321	Lịch sử các học thuyết kinh tế	2
15	55HST221	Lịch sử tư tưởng XHCN	2
16	55EER221	Lý luận dân tộc và quan hệ dân tộc ở Việt Nam	2
17	55SLA351	Pháp luật học	5
18	55CPR321	Hiến pháp và định chế chính trị	2
19	55DEE331	Kinh tế phát triển	3
20	55ECM331	Quản lý kinh tế	3
21	55TLC321	Lý luận và pháp luật về quyền công dân	2
22	55EDE341	Đạo đức học và giáo dục đạo đức	4
23	55MOP321	Những vấn đề của thời đại ngày nay	2
24	55PBM341	Lịch sử triết học	4
25	55VSL321	Lịch sử nhà nước và pháp luật VN	2

26	55TEH321	Chuyên đề đạo đức Hồ Chí Minh	2
27	55SSS321	Chuyên đề CNXHKKH	2
28	55SVP331	Chuyên đề Lịch sử ĐCSVN	3
29	55RPE321	Thực tế chuyên ngành GDCT	2
30	55CPB321	Xây dựng Đảng	2
31	55ACS321	Công tác Đảng và Đoàn thể trong trường PT	2
32	55PCW321	Giới thiệu tác phẩm kinh điển Triết học	2
33	55PEW321	Giới thiệu tác phẩm kinh điển Kinh tế chính trị	2
34	55SSW321	Giới thiệu tác phẩm kinh điển CNXHKKH	2
35	55HMW321	Tác phẩm Hồ Chí Minh	2
Kiến thức nghiệp vụ sư phạm			
1	55EPS431	Tâm lý học giáo dục	3
2	55PEP441	Giáo dục học	4
3	55TMC431	Lý luận về PP và hình thức tổ chức dạy học GDCD, GDCT	3
4	55DTE421	Phát triển chương trình, SGK GDCD ở trường PT	2
5	55MCS441	Phương pháp dạy học môn GDCD ở trường THCS	4
6	55MEH441	Phương pháp dạy học môn Giáo dục Kinh tế và pháp luật ở trường THPT	4
7	55CTE421	Kiểm tra đánh giá trong dạy học GDCD, GDCT	2
8	55PGS421	Thực hành sư phạm GDCT	2
9	55PGS422	Thực hành sư phạm GDCD ở trường THCS	2
10	55PGS431	Thực hành sư phạm GD KT&PL ở trường THPT	3
11	55TRA421	Thực tập sư phạm 1	2
12	55TRA432	Thực tập sư phạm 2	3
13	55MTR421	Phương pháp luận NCKH ngành GDCT	3
14	55PSC421	Xử lý tình huống sư phạm GDCD	4
15	55DIC421	Thiết kế các chủ đề dạy học tích hợp GDCD	3
16	55FAE421	Giáo dục gia đình	2
17	55SRH421	Giáo dục giới tính và sức khỏe sinh sản	4
18	55EED421	Giáo dục môi trường	4
19	55COS421	Giao tiếp sư phạm	2
Khoá luận tốt nghiệp, các học phần thay thế khoá luận tốt nghiệp			
1	55POL904	Khoá luận tốt nghiệp	7
2	55OWE931	Tổ chức hoạt động trải nghiệm trong dạy học GDCD	3
3	55MTM931	Phương pháp dạy học các môn khoa học Mác – Lênin	3
4	55VPD931	Văn kiện Đảng	2
5	55ICM921	Phong trào cộng sản và công nhân quốc tế	2
6	55PAM921	Triết học phi mác-xít hiện đại	2

3. Trình tự nội dung chương trình dạy học

Năm thứ nhất		Năm thứ hai	
Học kỳ 1	Học kỳ 2	Học kỳ 3	Học kỳ 4

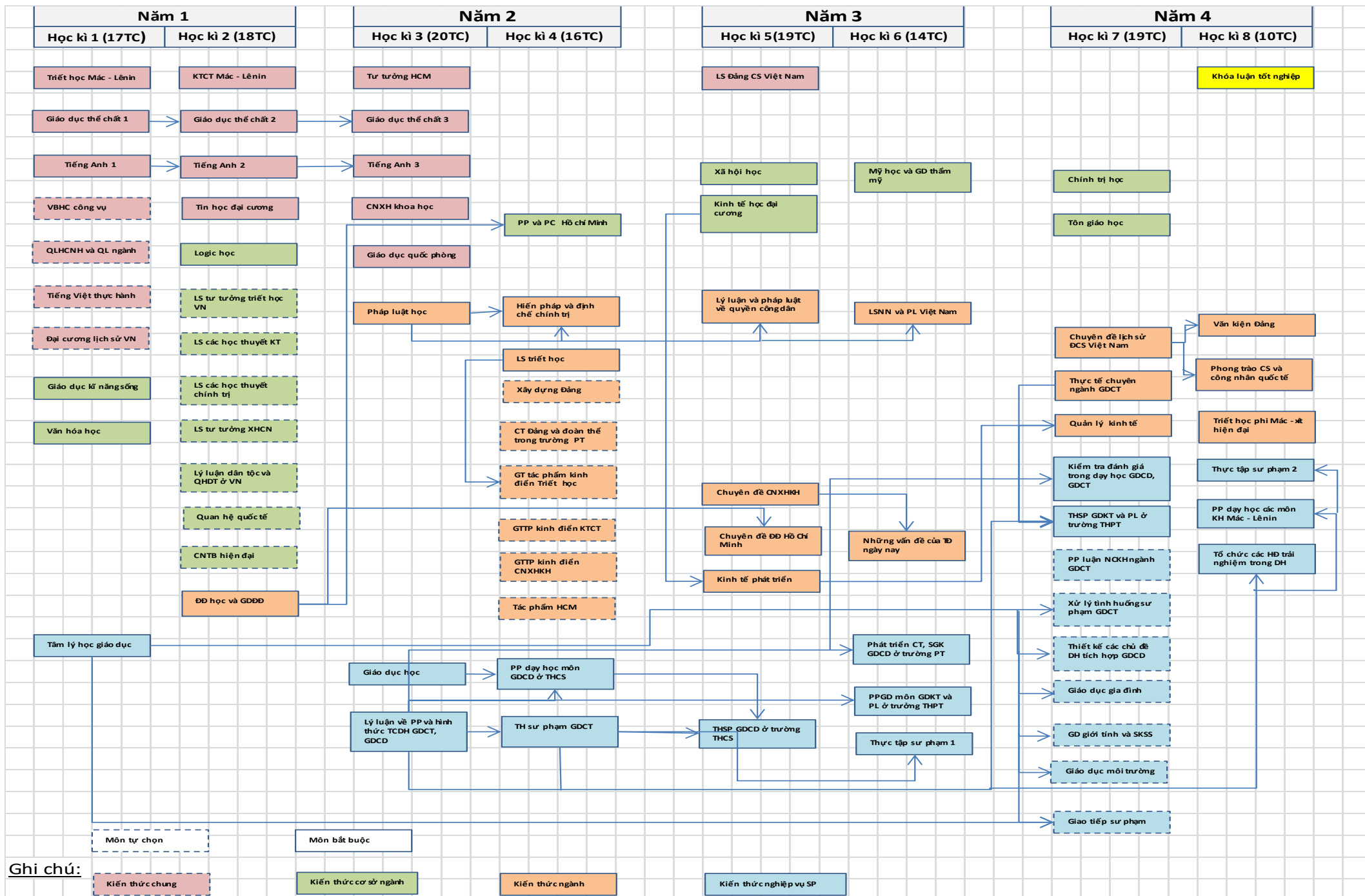
Học phần 1: 55SPH141; Triết học Mác – Lênin*	Học phần 2: 55SPE131; Kinh tế chính trị Mác – Lênin*	Học phần 4: 55HCM121; Tư tưởng Hồ Chí Minh*	Học phần 60: 55PGS421; Thực hành sư phạm GDCT*
Học phần 53: 55EPS431; Tâm lý học giáo dục*	Học phần 11: 55ENG132; Tiếng Anh 2*	Học phần 8 : 55PHE113; Giáo dục thể chất 3*	Học phần 23: 55MOH221; Phương pháp và phong cách HCM*
Học phần 10: 55ENG131; Tiếng Anh 1*	Học phần 19: 55LOG231; Logic học*	Học phần 12: 55ENG143; Tiếng Anh 3*	Học phần 35: 55CPR321; Hiến pháp và định chế chính trị*
Học phần 21: 55CUL221; Văn hóa học*	Học phần 13: 55GIF131; Tin học đại cương*	Học phần 34: 55SLA351; Pháp luật học*	Học phần 57: 55MCS441; Phương pháp dạy học môn GD CD ở trường THCS*
Học phần 6: 55PHE111; Giáo dục thể chất 1*	Học phần 39: 55EDE341; Đạo đức học và giáo dục đạo đức*	Học phần 3 55SSO121: Chủ nghĩa xã hội khoa học*	Học phần 41: 55PBM341; Lịch sử Triết học*
Học phần 20: 55LSE231; Giáo dục kỹ năng sống*	Học phần 7: 55PHE112; Giáo dục thể chất 2	Học phần 54: 55PEP441; Giáo dục học	Học phần 47: 55CPB321; Xây dựng Đảng
Học phần 14: 55GME121; Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành	Học phần 27: 55INR221; Quan hệ quốc tế	Học phần 55: 55TMC431; Lý luận về PP và hình thức tổ chức dạy học GD CD, GDCT*	Học phần 48: 55ACS321; Công tác Đảng và Đoàn thể trong trường PT
Học phần 15: 55VIU121; Tiếng Việt thực hành	Học phần 28: 55MCM221; Chủ nghĩa tư bản hiện đại		Học phần 49: 55PCW321; Giới thiệu tác phẩm kinh điển Triết học
Học phần 16: 55HFV121; Đại cương Lịch sử Việt Nam	Học phần 29: 55HPV221; Lịch sử tư tưởng triết học Việt Nam		Học phần 50: 55PEW321; Giới thiệu tác phẩm kinh điển Kinh tế chính trị
Học phần 17: 55PAD121; Văn bản hành chính công vụ	Học phần 30: 55HPT221; Lịch sử các học thuyết chính trị		Học phần 51: 55SSW321; Giới thiệu tác phẩm kinh điển CNXH KH
	Học phần 31: 55HET321;		Học phần 52: 55HMW321;

	Lịch sử các học thuyết kinh tế		Tác phẩm Hồ Chí Minh
	Học phần 32: 55HST221; Lịch sử tư tưởng XHCN		
	Học phần 33: 55EER221; Lý luận dân tộc và quan hệ dân tộc ở Việt Nam		
Năm thứ ba		Năm thứ tư	
Học kỳ 5	Học kỳ 6	Học kỳ 7	Học kỳ 8
Học phần 5: 55HPV131; Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*	Học phần 26: 55AED221; Mỹ học và giáo dục thẩm mỹ*	Học phần 24: 55SPO221; Chính trị học*	Học phần 73: 55OWE931; Tổ chức hoạt động trải nghiệm trong dạy học GDCTD*
Học phần 22: 55SCI221; Xã hội học*	Học phần 40: 55MOP321; Những vấn đề của thời đại ngày nay*	Học phần 18: 55REL221; Tôn giáo học*	Học phần 74: 55MTM931; Phương pháp dạy học các môn khoa học Mác – Lênin
Học phần 38: 55TLC321; Lý luận và pháp luật về quyền công dân*	Học phần 42: 55VSL321; Lịch sử nhà nước và pháp luật Việt Nam*	Học phần 45: 55SPV331; Chuyên đề Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*	Học phần 75: 55VPD931; Văn kiện Đảng
Học phần 43 : 55TEH321; Chuyên đề đạo đức Hồ Chí Minh*	Học phần 56: 55DTE421; Phát triển chương trình, SGK GDCTD ở trường PT*	Học phần 46: 55RPE321; Thực tế chuyên ngành GDCT*	Học phần 76: 55ICM921; Phong trào cộng sản và công nhân quốc tế
Học phần 44 : 55SSS321; Chuyên đề CNXHKKH*	Học phần 58: 55MEH441; Phương pháp dạy học môn GD KT&PL ở trường THPT*	Học phần 59: 55CTE421; Kiểm tra đánh giá trong dạy học GDCTD, GDCT*	Học phần 77: 55PAM921; Triết học phi mácxít hiện đại
Học phần 61: 55PGS431; Thực hành sư phạm GDCTD ở trường THCS*	Học phần 63: 55TRA421; Thực tập sư phạm 1*	Học phần 37: 55ECM331; Quản lý kinh tế*	Học phần 64: 55TRA432; Thực tập sư phạm 2*
Học phần 25: 55FEC321; Kinh tế học đại cương*		Học phần 62: 55PGS431; Thực hành sư	Học phần 72: 55POL904; Khóa luận tốt nghiệp*

		phạm GD KT&PL ở trường THPT*	
Học phần 36: 55DEE331; Kinh tế phát triển*		Học phần 65: 55MTR421; Phương pháp luận NCKH ngành GDCT	
		Học phần 66: 55PSC421; Xử lý tình huống sư phạm GDCD	
		Học phần 67: 55DIC421; Thiết kế các chủ đề dạy học tích hợp GDCD	
		Học phần 68: 55FAE421; Giáo dục gia đình	
		Học phần 69: 55SRH421; Giáo dục giới tính và sức khỏe sinh sản	
		Học phần 70: 55EED421; Giáo dục môi trường	
		Học phần 71: 55COS421; Giao tiếp sư phạm	

*Ghi chú: * là học phần bắt buộc*

*** Sơ đồ lộ trình giảng dạy các học phần**



4. Ma trận đóng góp của các khối kiến thức vào mức độ đạt được chuẩn đầu ra

(0 = Không đóng góp; 1 = Đóng góp mức thấp; 2= Đóng góp mức trung bình;
3= Đóng góp mức cao)

Khối kiến thức	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo															
	Kiến thức chung		Kiến thức chuyên môn				Kỹ năng chung			Kỹ năng chuyên môn				NL tự chủ và trách nhiệm		
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Chung	3	3	2	2	0	2	1	3	3	1	1	2	1	1	1	2
Chuyên nghiệp	3	1	3	3	1	3	2	1	0	2	3	2	3	2	2	3
NVSP	0	3	1	3	3	1	2	1	0	3	3	2	2	0	2	3
KLTN	3	2	2	1	1	1	0	0	0	2	1	1	1	1	2	3

5. Ma trận đóng góp của học phần vào mức độ đạt được chuẩn đầu ra

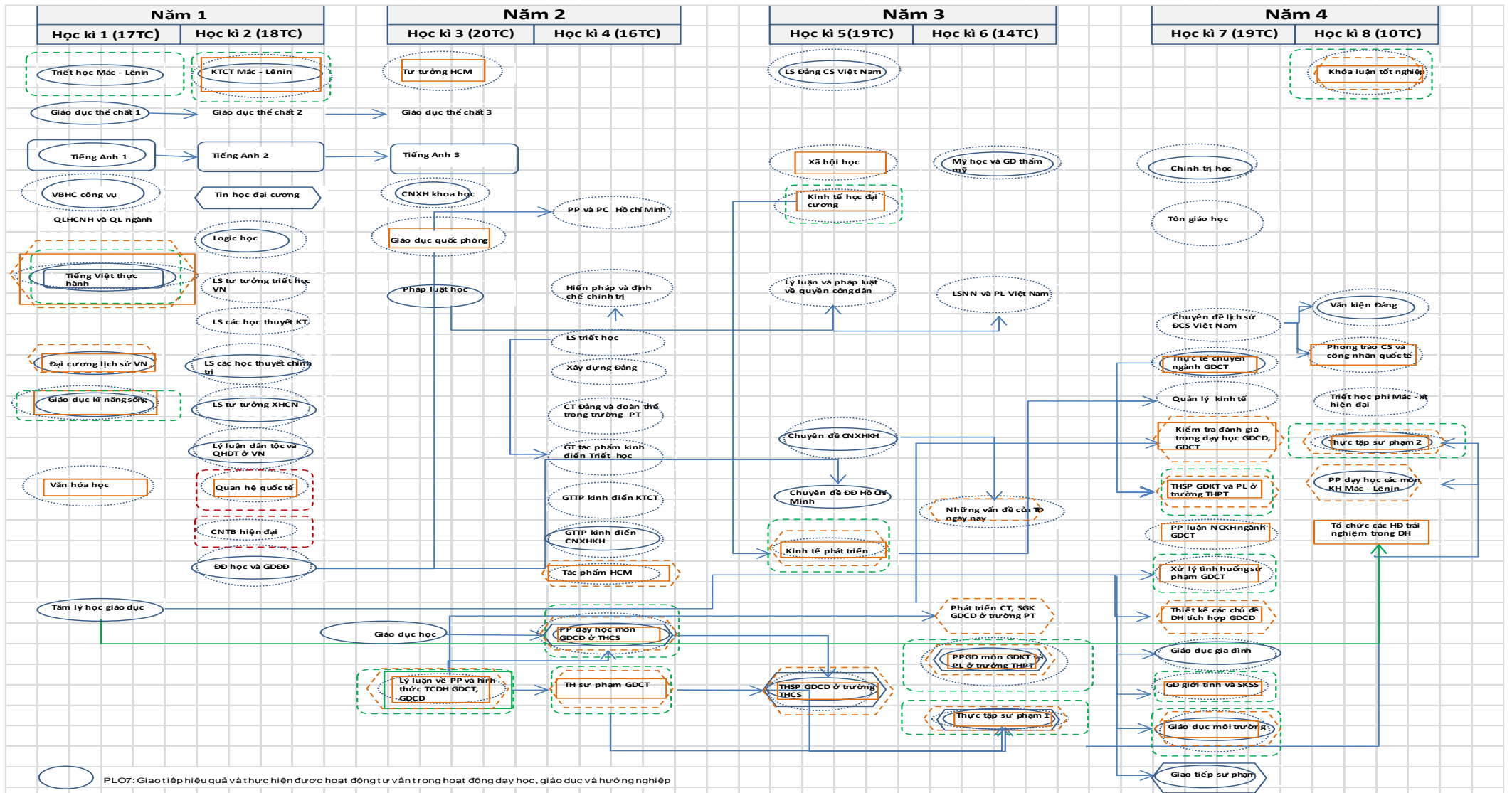
(0 = Không đóng góp; 1 = Đóng góp mức thấp; 2= Đóng góp mức trung bình; 3= Đóng góp mức cao)

Tên học phần	Mã học phần	CDR của chương trình đào tạo															
		Kiến thức chung		Kiến thức chuyên môn				Kỹ năng chung			Kỹ năng chuyên môn				NL tự chủ và trách nhiệm		
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
HP1	55SPH141	3	0	3	0	0	0	2	0	0	0	0	0	2	1	0	0
HP2	55SPE131	0	0	3	3	0	0	2	0	0	0	2	3	2	0	2	2
HP3	55SSO121	0	0	3	1	0	1	1	0	0	0	0	1	0	1	1	0
HP4	55HCM121	2	0	3	0	0	2	0	0	0	0	1	2	0	1	0	2
HP5	55HPV131	3	0	2	0	0	1	1	0	0	0	0	1	0	0	1	0
HP6	55PHE111	2	2	0	0	0	0	3	0	0	0	0	0	0	0	3	0
HP7	55PHE112	2	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	3	0
HP8	55PHE113	2	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	3	0
HP9	55MIE131	1	2	0	0	0	2	0	0	0	0	2	2	0	0	1	1
HP10	55ENG131	0	0	0	0	0	0	2	0	3	0	0	0	0	0	2	0
HP11	55ENG132	0	0	0	0	0	0	0	0	3	0	0	0	0	0	2	0
HP12	55ENG143	0	0	0	0	0	0	2	0	3	0	0	0	0	0	2	0
HP13	55GIF131	0	0	0	0	0	0	0	3	0	0	0	0	0	0	2	0
HP14	55GME121	1	3	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	1	0
HP15	55VIU121	0	1	3	3	3	1	2	0	1	2	3	3	3	1	3	2
HP16	55HFV121	0	0	2	2	1	1	1	0	0	1	1	0	0	0	2	0
HP17	55PAD121	0	0	3	0	0	0	1	0	0	0	0	1	0	0	1	0
HP18	55REL221	0	0	3	0	0	3	0	0	0	0	0	3	0	0	1	0
HP19	55LOG231	2	0	2	0	0	0	2	0	0	0	0	2	0	0	1	0

HP20	55LSE231	0	0	1	1	0	0	3	0	0	0	3	3	2	0	1	1
HP21	55CUL221	0	0	3	0	0	0	0	0	0	0	3	3	0	0	1	0
HP22	55SCI221	1	0	3	0	0	0	0	0	0	0	1	1	0	0	1	1
HP23	55MOH221	0	0	3	0	0	1	0	0	0	0	0	2	0	0	2	0
HP24	55SPO221	0	0	3	0	0	1	1	0	0	0	0	1	0	0	1	0
HP25	55FEC231	0	0	3	3	0	0	0	0	0	0	2	3	2	0	2	2
HP26	55AED221	3	0	3	0	0	0	1	0	0	0	0	1	0	1	0	0
HP27	55INR221	1	0	2	0	0	3	0	0	0	0	1	1	1	1	1	1
HP28	55MCM221	0	0	3	2	0	0	0	0	0	0	0	3	2	0	2	2
HP29	55HPV221	0	0	3	2	0	0	0	0	0	0	0	2	0	1	0	0
HP30	55HPT221	0	0	3	0	0	0	1	0	0	0	0	1	0	0	1	0
HP31	55HET321	0	0	1	0	0	1	0	0	0	0	0	1	0	0	1	0
HP32	55HST221	0	0	3	0	0	0	1	0	0	0	0	1	0	0	1	0
HP33	55EER221	0	0	3	0	0	0	1	0	0	0	0	1	0	0	1	0
HP34	55SLA351	2	0	3	0	0	0	2	0	0	0	0	0	0	1	0	1
HP35	55CPR321	2	0	3	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	1	1	0
HP36	55DEE331	0	0	3	3	0	0	0	0	0	2	3	3	2	0	2	3
HP37	55ECM331	0	0	1	0	0	1	0	0	0	0	0	1	0	0	1	0
HP38	55TLC321	1	0	3	0	0	0	0	0	0	0	0	2	0	1	1	0
HP39	55EDE341	2	0	0	3	0	0	1	0	0	0	0	2	0	1	1	0
HP40	55MOP321	1	0	3	0	0	0	0	0	0	1	0	1	0	0	1	1
HP41	55PBM341	0	0	3	2	0	0	0	0	0	0	0	2	0	1	0	0
HP42	55VSL321	0	0	3	0	0	1	0	0	0	0	0	1	0	0	1	0
HP43	55TEH321	0	0	3	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	1	1	0
HP44	55SSS321	0	0	3	1	0	1	1	0	0	0	0	1	0	1	1	0
HP45	55SVP331	0	0	3	0	0	0	0	0	0	0	0	2	0	0	1	0
HP46	55RPE321	1	0	3	0	0	2	2	0	0	0	2	2	0	0	1	1
HP47	55CPB321	0	0	3	0	0	1	0	0	0	0	0	1	0	0	1	0
HP48	55ACS321	0	0	3	0	0	1	0	0	0	0	0	1	0	0	1	0
HP49	55PCW321	0	0	3	2	0	0	0	0	0	0	0	2	0	1	0	0
HP50	55PEW321	0	0	1	0	0	1	0	0	0	0	0	1	0	0	1	0
HP51	55SSW321	0	0	3	0	0	1	1	0	0	0	0	3	0	1	0	0
HP52	55HMW321	1	0	3	0	0	3	0	0	0	1	1	2	0	0	1	1
HP53	55EPS431	0	3	0	0	0	0	2	0	0	0	0	0	0	2	1	0
HP54	55PEP441	0	3	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	1	0
HP55	55TMC431	0	0	0	3	1	0	0	0	0	2	3	1	2	1	1	1
HP56	55DTE421	0	0	0	0	3	0	0	0	0	1	0	0	0	0	1	0
HP57	55MCS441	0	0	0	0	3	0	2	2	0	3	2	2	2	1	2	2
HP58	55MEH441	0	0	1	2	1	1	1	0	0	2	1	2	2	0	1	1
HP59	55CTE421	0	0	0	0	3	0	0	0	0	2	2	0	0	0	0	1

HP60	55PGS421	0	0	0	1	3	1	0	0	0	1	1	0	2	1	1	0
HP61	55PGS422	0	1	0	0	3	0	2	1	0	3	2	2	0	2	2	2
HP62	55PGS431	0	0	0	3	2	0	0	0	0	2	3	0	1	1	1	2
HP63	55TRA421	2	3	2	3	3	1	3	2	0	3	3	2	3	2	3	1
HP64	55TRA432	2	3	2	3	3	1	3	2	0	3	3	2	3	2	3	1
HP65	55MTR421	0	0	3	0	0	0	0	0	0	0	1	1	0	1	1	1
HP66	55PSC421	0	0	0	2	2	2	0	0	0	0	1	1	2	2	0	2
HP67	55DIC421	0	1	1	0	2	0	0	0	0	3	3	0	0	0	2	2
HP68	55FAE421	0	0	3	0	0	0	3	0	0	0	0	1	0	0	1	0
HP69	55SRH421	1	0	2	0	0	2	0	0	0	0	2	1	2	0	0	1
HP70	55EED421	0	0	3	2	2	1	1	0	0	1	2	2	2	0	1	1
HP71	55COS421	0	3	0	0	0	0	3	2	0	0	0	0	0	3	3	0
HP72	55POL904	3	1	3	3	3	3	0	0	0	1	2	3	1	0	3	3
HP73	55OWE931	0	0	1	1	2	0	0	0	0	0	2	0	0	0	1	1
HP74	55MTM931	0	0	0	2	2	0	1	0	0	1	0	0	0	0	1	1
HP75	55VPD931	0	0	3	0	0	0	1	0	0	0	0	1	0	0	1	0
HP76	55ICM921	2	0	2	0	0	3	0	0	0	0	1	1	0	1	1	1
HP77	55PAM921	3	0	3	0	0	3	0	0	0	0	0	1	0	0	1	0

* Ma trận phát triển kỹ năng (nếu có)



- PLO7: Giao tiếp hiệu quả và thực hiện được hoạt động tư vấn trong hoạt động dạy học, giáo dục và hướng nghiệp
- PLO8: Khai thác được các ứng dụng của công nghệ thông tin trong tự học, nghiên cứu khoa học, dạy học, đánh giá và quản lý học sinh
- PLO9: Sử dụng được tiếng Anh tương đương bậc 3/6 trong giao tiếp và hoạt động chuyên môn
- PLO10: Vận dụng thành thạo các phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá trong dạy học bộ môn để phát triển năng lực người học.
- PLO11: Vận dụng các kiến thức đã học để tổ chức và quản lý các hoạt động trải nghiệm, thực hành nghề nghiệp chuyên môn, nghiệp vụ một cách sáng tạo
- PLO12: Thực hiện được các kỹ năng hợp tác, phân biện, phân tích, đánh giá tình huống nảy sinh trong thực tiễn công việc và cuộc sống.
- PLO13: Vận dụng thành thạo phương pháp giáo dục đã học để xử lý sáng tạo các tình huống nảy sinh trong hoạt động thực tiễn.

6. Mô tả tóm tắt các học phần

6.1: 55SPH141, Triết học Mác – Lênin (4 tín chỉ)

Học phần này thuộc khối kiến thức đại cương, cung cấp kiến thức nền tảng những nguyên lý triết học của chủ nghĩa Mác – Lênin, bao gồm các vấn đề về thế giới quan duy vật biện chứng và phép biện chứng duy vật, như: Quan hệ biện chứng giữa vật chất, ý thức; hai nguyên lý, ba quy luật và sáu cặp phạm trù của phép biện chứng duy vật; Vấn đề lý luận nhận thức; những kiến thức cơ bản phản ánh quy luật vận động, phát triển của xã hội được thể hiện trong các nội dung: Học thuyết Hình thái kinh tế - xã hội; vấn đề giai cấp và nhân loại; vấn đề nhà nước và cách mạng xã hội; vấn đề tồn tại xã hội và ý thức xã hội; vấn đề con người trong triết học; vai trò của triết học Mác – Lênin trong thời đại ngày nay.

6.2: 55SPE131, Kinh tế chính trị Mác – Lênin (3 tín chỉ)

Học phần trang bị các kiến thức về lý luận kinh tế chính trị của Mác – Ăngghen và Lênin; về hình thức biểu hiện của các phạm trù, các quy luật, các hiện tượng kinh tế trong tình hình thế giới và Việt Nam hiện nay; về những vấn đề lý luận và thực tiễn của kinh tế chính trị trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam trên góc độ kinh tế chính trị Mác – Lênin.

Học phần là sự kế tiếp tất yếu trong hệ thống các học phần khoa học lý luận chính trị Mác – Lênin. Học phần vừa là sự cụ thể hoá, vừa bổ sung cho lý luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử; là tiền đề để hiểu sâu sắc lý luận về chủ nghĩa xã hội khoa học; là điều kiện để học tốt các học phần tư tưởng Hồ Chí Minh, lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, lịch sử học thuyết kinh tế, kinh tế học đại cương...

6.3: 55SSO121, Chủ nghĩa xã hội khoa học (2 tín chỉ)

Học phần chủ nghĩa xã hội khoa học làm rõ những quy luật và tính quy luật về chính trị - xã hội của quá trình hình thành, phát triển của hình thái kinh tế- xã hội cộng sản chủ nghĩa; những nguyên tắc cơ bản, những điều kiện, con đường, hình thức và phương pháp để xây dựng chủ nghĩa xã hội. Học phần chủ nghĩa xã hội khoa học tập trung luận giải nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, xã hội xã hội chủ nghĩa, nền dân chủ và nhà nước xã hội chủ nghĩa, về vấn đề liên minh giai cấp, vấn đề dân tộc, tôn giáo, gia đình trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội.

6.4: 55HCM121, Tư tưởng Hồ Chí Minh (2 tín chỉ)

Tư tưởng Hồ Chí Minh là học phần học bắt buộc thuộc phần kiến thức giáo dục đại cương, nhằm cung cấp những kiến thức cơ bản về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh. Đồng thời, tập trung luận giải nội dung những chuyên đề cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; tư tưởng về Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; tư tưởng về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế; tư tưởng về văn hoá, đạo đức và con người.

6.5: 55HPV131, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (3 tín chỉ)

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam nằm trong khối kiến thức chung, cơ bản nghiên cứu về quá trình hình thành, phát triển của Đảng Cộng sản Việt Nam cũng như quá trình Đảng lãnh đạo cách mạng Việt Nam từ năm 1930 đến 2018. Cụ thể, nghiên cứu về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và quá trình lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930 - 1945); về quá trình Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1945 - 2018); khái quát những bài học lớn của cách mạng Việt Nam từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời tới nay.

6.6: 55PHE111, Giáo dục thể chất 1 (1 tín chỉ)

Học phần này trang bị cho người học những hiểu biết cơ bản về sơ lược nguồn gốc và lịch sử phát triển của học phần Bơi; Ý nghĩa, tác dụng của học phần Bơi đối với việc tăng cường và rèn luyện sức khỏe cho con người; Vai trò của việc tập luyện và thi đấu học phần bơi lội trong các đại hội thể dục thể thao các cấp và đại hội Olympic. Hiểu biết về đặc tính của môi trường nước liên quan tới người bơi như: Nguyên lý thủy tĩnh lực học, nguyên lý thủy động lực học, những lực cản tác động đến cơ thể người bơi; Học các giai đoạn của một kỹ thuật Bơi thể thao (Bơi ếch): Cách làm nổi người, lướt nước, học kỹ thuật động tác chân, kỹ thuật động tác tay, phối hợp chân với tay, động tác thở, phối hợp tay- chân- thở và hoàn thiện toàn bộ kỹ thuật kiểu Bơi ếch thể thao.

6.7: 55PHE112, Giáo dục thể chất 2 (1 tín chỉ)

Học phần Giáo dục thể chất II (Tự chọn) dành cho sinh viên không chuyên ngành TDDT Trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên. Học phần trang bị cho sinh viên hiểu biết về nguồn gốc, lịch sử, đặc điểm, lợi ích, tác dụng của học phần thể thao; thực hiện được các kỹ thuật cơ bản của học phần thể thao; phương pháp tập luyện và thi đấu; phân tích được một số chấn thương thường gặp, cách phòng ngừa các chấn thương. Hình thành những kỹ năng kỹ xảo về kỹ thuật cơ bản học phần thể thao, giúp sinh viên nâng cao sức khỏe, góp phần rèn luyện các phẩm chất đạo đức, ý chí, tác phong nhanh nhẹn, tinh thần tập thể, có sức khỏe thực hiện các yêu cầu về công việc và cuộc sống.

6.8: 55PHE113, Giáo dục thể chất 3 (1 tín chỉ)

Học phần Giáo dục thể chất III (Tự chọn) dành cho sinh viên không chuyên ngành TDDT Trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên. Học phần trang bị cho sinh viên hiểu biết về nguồn gốc, lịch sử, đặc điểm, lợi ích, tác dụng của học phần thể thao đã lựa chọn ở học phần; thực hiện được các kỹ thuật cơ bản của học phần thể thao; phương pháp tập luyện và thi đấu; phân tích được một số chấn thương thường gặp, cách phòng ngừa các chấn thương. Hình thành những kỹ năng kỹ xảo về kỹ thuật cơ bản học phần thể thao, giúp sinh viên nâng cao sức khỏe, góp phần rèn luyện các phẩm chất đạo đức, ý chí, tác phong nhanh nhẹn, tinh thần tập thể, có sức khỏe thực hiện các yêu cầu về công việc và cuộc sống.

6.9: 55MIE131, Giáo dục quốc phòng (có chương trình và chứng chỉ riêng)

6.10: 55ENG131, Tiếng Anh 1 (3 tín chỉ)

Học phần Tiếng Anh 1 là học phần học bắt buộc trong khối kiến thức chung của chương trình đào tạo cử nhân sư phạm.

Học phần học Tiếng Anh 1 cung cấp cho sinh viên những vốn ngữ pháp cơ bản như thì hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, quá khứ đơn, quá khứ tiếp diễn, các cấu trúc so sánh, động từ khuyết thiếu và vốn từ vựng cơ bản về các chủ đề như sức khỏe, thể thao, giao thông và thám hiểm để phát triển được kỹ năng ngôn ngữ Bậc 2 ở mức cao. Đồng thời, học phần học này cũng rèn luyện cho người học các kỹ năng sử dụng tiếng Anh để bày tỏ ý kiến, quan điểm và giải thích trong các tình huống giao tiếp; viết được các câu đúng ngữ pháp, các ghi chú ngắn, tin nhắn ngắn gọn theo các chủ đề quen thuộc hàng ngày.

Thông qua các bài học trên lớp và các bài tập thực hành trên phần mềm tự học MyELT và lớp học ảo sinh viên có thể củng cố được vốn kiến thức của mình đồng thời phát triển kỹ năng tự học và tự rèn luyện bản thân.

6.11: 55ENG132, Tiếng Anh 2 (3 tín chỉ)

Học phần Tiếng Anh 2 là học phần kế tiếp của Tiếng Anh 1, là học phần học bắt buộc trong khối kiến thức chung của chương trình đào tạo cử nhân sư phạm.

Học phần Tiếng Anh 2 trang bị cho người học vốn từ vựng về các chủ đề môi trường, các sự kiện trong cuộc sống, nghề nghiệp, và khoa học - công nghệ. Bên cạnh đó, người học được củng cố các hiện tượng ngữ pháp cơ bản như danh từ đếm và không đếm được, quán từ số lượng, mạo từ, động từ có to, các dạng tương lai, giới từ, thì hiện tại hoàn thành, mệnh đề quan hệ xác định, câu điều kiện loại 1 và loại 0. Những kiến thức trong học phần không chỉ mang tính học thuật mà còn bao gồm những thông tin và hiểu biết thực tế về các địa danh, con người và sự kiện ở một vài quốc gia trên thế giới.

Học phần này tiếp tục rèn luyện cho người học các kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Anh ở cấp độ Bậc 3 thấp gồm nghe, nói, đọc và viết, đặt trong 4 chủ đề chính như đã nêu ở trên. Kết thúc học phần này, trong phạm vi các chủ đề đã học, người học có khả năng nói chuyện, nghe lấy ý chính và lấy thông tin, đọc hiểu ý chính và đọc lấy thông tin, viết đoạn văn ngắn 35-45 từ.

Thông qua các bài học trên lớp và các bài tập thực hành trên phần mềm tự học MyELT và lớp học ảo sinh viên có thể củng cố được vốn kiến thức của mình đồng thời phát triển kỹ năng tự học và tự rèn luyện bản thân.

6.12: 55ENG143, Tiếng Anh 3 (4 tín chỉ)

Học phần Tiếng Anh 3 là học phần học bắt buộc trong khối kiến thức chung của chương trình đào tạo cử nhân sư phạm.

Học phần tiếng Anh 3 tiếp tục bổ sung cho sinh viên lượng từ vựng về các chủ đề Ngôn ngữ và học tập; Du lịch và kì nghỉ; Lịch sử; Tự nhiên cùng với các chủ điểm ngữ pháp về câu bị động ở hiện tại và quá khứ; quá khứ hoàn thành, câu hỏi cho chủ ngữ và tân ngữ, tính từ đuôi *-ing* và đuôi *-ed*; cấu trúc *used to*, câu gián tiếp; câu điều kiện loại 2, các đại từ bất định, *will, might*. Ngoài ra, ở học phần này, sinh viên tiếp tục được rèn luyện các kỹ năng giao tiếp trong tiếng Anh như: nghe hiểu được các cuộc hội thoại, các cuộc phỏng vấn và các

bài viết; đọc hiểu các bài báo về các chủ đề được học; trình bày quan điểm cá nhân, lập kế hoạch hay phỏng vấn và rèn luyện kỹ năng viết đoạn văn đơn giản.

Cùng với các học phần tiếng Anh 1, 2, học phần tiếng Anh 3 tiếp tục phát triển kỹ năng sử dụng tiếng Anh cho sinh viên ở trình độ tiếng Anh bậc 3 ở mức trung bình theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam và sử dụng được trong hoạt động giao tiếp.

6.13: 55GIF131, Tin học đại cương (3 tín chỉ)

Học phần Tin học đại cương cung cấp các kiến thức cơ bản về:

Cấu trúc chung của máy tính; xử lý lỗi cơ bản của máy tính; hệ điều hành.

Định dạng văn bản, chèn đối tượng vào văn bản, bảng biểu, công cụ trợ giúp soạn thảo trong Microsoft Word.

Định dạng và xử lý dữ liệu, công thức, các hàm cơ bản, biểu đồ trong Microsoft Excel.

Thao tác với slide; định dạng, thiết lập hiệu ứng cho đối tượng và slide; tạo siêu liên kết trong Microsoft PowerPoint.

Mạng máy tính và an toàn thông tin; một số ứng dụng cơ bản trên mạng Internet.

6.14: 55GME121, Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành (2 tín chỉ)

Học phần học Quản lý HCNN và quản lý ngành giáo dục-đào tạo là học phần học tự chọn trong chương trình đào tạo cử nhân quản lý giáo dục. Học phần học cung cấp những kiến thức cơ bản về quản lý hành chính nhà nước (tính chất, nội dung, phương pháp, luật...; quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo (tính chất, đặc điểm, nguyên tắc, nội dung, bộ máy quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo; đường lối, quan điểm của Đảng và Nhà nước về giáo dục đào tạo) và các văn bản quy phạm pháp luật về giáo dục và đào tạo; giúp sinh viên nhận thức được trách nhiệm của bản thân trong thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về giáo dục. Học phần học có mối quan hệ mật thiết với học phần pháp luật đại cương, học phần giáo dục học, học phần tổ chức và quản lý trường học.

6.15: 55VIU121, Tiếng Việt thực hành (2 tín chỉ)

Tiếng Việt thực hành (học phần học tự chọn) được cấu trúc gồm 2 chương. Chương 1: *Rèn luyện kỹ năng về chính âm, chính tả, dùng từ, đặt câu*. Chương 2: *Rèn luyện kỹ năng tiếp nhận và tạo lập văn bản*.

Học phần học trang bị cho sinh viên những kiến thức về: chính âm, chính tả, dùng từ, đặt câu, tiếp nhận và tạo lập văn bản. Trên cơ sở đó hình thành các kỹ năng cần thiết giúp người học có thể nâng cao năng lực giao tiếp của mình trong các hoạt động đọc, viết, nghe, nói.

6.16: 55HFV121, Đại cương lịch sử Việt Nam (2 tín chỉ)

Đại cương lịch sử Việt Nam là một học phần có xu hướng tích hợp, liên học phần với các ngành khoa học của các khoa cơ bản như: Địa lí, Ngữ văn, Giáo dục chính trị, Giáo dục Quốc phòng – An Ninh... Học phần học cung cấp những kiến thức cơ bản và hệ thống về Lịch sử Việt Nam. Bao gồm các nội dung lớn như: Sự phát triển kế tiếp của các triều đại, các thời đại lịch sử; quá trình ra đời và hoàn thiện của hệ thống nhà nước và pháp luật; những thành tựu về phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội; lịch sử đấu tranh

giành độc lập dân tộc và những cuộc chiến tranh chống ngoại xâm bảo vệ độc lập dân tộc và toàn vẹn lãnh thổ.

6.17: 55PAD121, Văn bản hành chính công vụ (2 tín chỉ)

Học phần Văn bản hành chính công vụ cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản lí luận chung về văn bản quản lý hành chính nhà nước, về hệ thống văn bản quản lý nhà nước và hiệu lực thi hành, những yêu cầu về nội dung, thể thức, ngôn ngữ văn phong trong quá trình soạn thảo văn bản, kỹ thuật soạn thảo văn bản thông thường.

6.18: 55REL221, Tôn giáo học (2 tín chỉ)

Học phần này nằm trong khối kiến thức cơ sở ngành, cung cấp tri thức lý luận chung về nguồn gốc, bản chất tôn giáo; nội dung cơ bản của các tôn giáo lớn trên thế giới như: đạo Phật, đạo Ki-tô, đạo I-xlam (Hồi giáo) và một số tín ngưỡng, tôn giáo của dân tộc Việt Nam. Những quan điểm cơ bản của Hồ Chí Minh và Đảng ta trong việc thực hiện quyền tự do tín ngưỡng của nhân dân.

6.19: 55LOG231, Logic học (3 tín chỉ)

Học phần logic học nằm trong khối kiến thức cơ sở ngành. Học phần này trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về các hình thức, quy luật của logic hình thức như khái niệm, phán đoán, suy luận, chứng minh, bác bỏ...và các hình thức, nguyên tắc, quy luật của logic biện chứng như biện chứng của khái niệm, biện chứng của phán đoán, biện chứng của suy luận, các quy luật biện chứng chung, quy luật đi từ trừu tượng đến cụ thể, quy luật thống nhất giữa logic và lịch sử, vấn đề chân lý, vấn đề giả thuyết, vấn đề chứng minh...

6.20: 55LSE231, Giáo dục kỹ năng sống (3 tín chỉ)

Học phần này thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, đề cập đến những vấn đề lý luận chung về kỹ năng sống và giáo dục kỹ năng sống cho học sinh trong giai đoạn hiện nay như: khái niệm kỹ năng sống, vai trò của kỹ năng sống trong cuộc sống đương đại; hệ thống những kỹ năng sống cơ bản đối với học sinh, giúp học sinh nhận thức được tầm quan trọng của giáo dục kỹ năng sống, bồi dưỡng lòng say mê nghề nghiệp và chức trách của người giáo viên dạy học phần Giáo dục công dân trong việc góp phần giúp học sinh hình thành và rèn luyện những kỹ năng sống cần thiết cho công tác giảng dạy và trong cuộc sống. Cuối cùng, học phần cung cấp cho sinh viên một số định hướng tiếp cận cách thức lồng ghép nội dung giáo dục kỹ năng sống qua các bài dạy học phần Giáo dục công dân ở trường trung học phổ thông.

6.21: 55CUL221, Văn hóa học (2 tín chỉ)

Học phần này nằm trong khối kiến thức ngành, cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản của lí luận về văn hoá học, cấu trúc, bản chất văn hóa và vai trò của nó trong đời sống xã hội; các quy luật phát triển của văn hóa; vai trò của văn hóa đối với phát triển; bản sắc văn hóa dân tộc; văn hóa Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa.

6.22: 55SCI221, Xã hội học (2 tín chỉ)

Học phần Xã hội học góp phần trang bị cho người học những kiến thức đại cương về xã hội học như đối tượng, phương pháp, nhiệm vụ nghiên cứu của xã hội học; lịch sử hình thành xã hội học; các khái niệm, phạm trù cơ bản của xã hội học. Bên cạnh đó, xã hội học

còn cung cấp các phương pháp nghiên cứu xã hội chuyên biệt để người học có thể vận dụng trong thực tiễn như: phương pháp phân tích tài liệu, phương pháp phỏng vấn, phương pháp metric xã hội, phương pháp điều tra xã hội học... Học phần này có mối liên hệ mật thiết với các học phần triết học, kinh tế chính trị học, chủ nghĩa xã hội khoa học, đạo đức học, pháp luật học...

6.23: 55MOH221, Phương pháp và phong cách Hồ Chí Minh (2 tín chỉ)

Phương pháp và phong cách Hồ Chí Minh là học phần học bắt buộc thuộc phần kiến thức giáo dục chuyên nghiệp, nhằm cung cấp những kiến thức cơ bản về phương pháp và phong cách Hồ Chí Minh như: Những vấn đề chung về phương pháp và phong cách Hồ Chí Minh; hệ thống phương pháp cách mạng Hồ Chí Minh; hệ thống phong cách Hồ Chí Minh như phong cách tư duy, phong cách làm việc, phong cách diễn đạt, phong cách ứng xử và phong cách sinh hoạt.

Đồng thời, học phần học cũng khẳng định tầm quan trọng của việc vận dụng sáng tạo phương pháp cách mạng và phong cách Hồ Chí Minh trong công cuộc đổi mới ở nước ta hiện nay nhằm xây dựng Đảng thật sự trong sạch, xây dựng một Nhà nước thật sự của dân, do dân, vì dân.

6.24: 55SPO221, Chính trị học (2 tín chỉ)

Học phần học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về những quy luật chung nhất của đời sống chính trị- xã hội, cùng những phương thức để hiện thực hóa vấn đề quyền lực chính trị, động lực chính trị, xây dựng thể chế chính trị theo hướng dân chủ, xây dựng văn hóa chính trị và xử lý các tình huống, các điểm nóng chính trị - xã hội.

6.25: 55FEC231, Kinh tế học đại cương (3 tín chỉ)

Học phần học nằm trong khối kiến thức ngành đào tạo cử nhân Giáo dục Chính trị, cung cấp những nội dung cơ bản về kinh tế học nói chung (kinh tế học vi mô và kinh tế học vĩ mô); luận giải hành vi kinh tế của các chủ thể cũng như tác động của chính phủ trong nền kinh tế. Học phần học này có quan hệ với các học phần khoa học xã hội và nhân văn, khoa học chính trị: Triết học Mác - Lênin, Kinh tế chính trị Mác – Lênin, Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Chính trị học, Những vấn đề thời đại ngày nay, Kinh tế phát triển, Quản lý kinh tế....

6.26: 55AED221, Mỹ học và giáo dục thẩm mỹ (2 tín chỉ)

Học phần này nằm trong khối kiến thức cơ sở ngành. Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về các quan điểm mỹ học Mác – Lênin, bao gồm các vấn đề về mỹ học và bản chất của giáo dục thẩm mỹ; chủ thể thẩm mỹ; khách thể thẩm mỹ; nghệ thuật và vai trò của nó trong đời sống thẩm mỹ; giáo dục thẩm mỹ.

6.27: 55INR221, Quan hệ quốc tế (2 tín chỉ)

Quan hệ Quốc tế là học phần học tự chọn, đối tượng nghiên cứu là những vấn đề quốc tế, khu vực và đường lối đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta. Cụ thể, học phần học cung cấp những kiến thức cơ bản về: Thời đại ngày nay và mối quan hệ giữa các quốc gia dân tộc; Các nước đang phát triển và vị trí của nó trong đời sống quan hệ quốc tế; Quan hệ giữa các quốc gia Đông Nam Á trong giai đoạn hiện nay; Chính sách đối

ngoại của một số nước lớn sau Chiến tranh lạnh, xu thế toàn cầu hóa và quá trình hội nhập của Việt Nam.

6.28: 55MCM221, Chủ nghĩa tư bản hiện đại (2 tín chỉ)

Học phần Chủ nghĩa tư bản hiện đại cung cấp những kiến thức cơ bản về CNTB hiện đại ngày nay như đặc trưng cơ bản của CNTB hiện đại; đặc trưng căn ngành và vai trò của các công ty xuyên quốc gia trong nền kinh tế thế giới; tiềm năng cơ bản, giới hạn chủ yếu, xu hướng và triển vọng phát triển của CNTB hiện đại; quá trình điều chỉnh kinh tế của nhà nước ở các nước tư bản phát triển...

Học phần này có quan hệ với các học phần khoa học xã hội và nhân văn, khoa học chính trị: Triết học Mác - Lênin, Kinh tế chính trị Mác - Lênin, Kinh tế học đại cương, Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Chính trị học, Những vấn đề thời đại ngày nay....

6.29: 55HPV221, Lịch sử tư tưởng triết học Việt Nam (2 tín chỉ)

Học phần này nằm trong khối kiến thức cơ sở ngành, cung cấp cho sinh viên kiến thức chuyên sâu về lịch sử tư tưởng triết học Việt Nam qua các thời kỳ bao gồm: Khái quát về lịch sử tư tưởng triết học Việt Nam; tư tưởng triết học Việt Nam từ thời kỳ tiền sử đến thời kỳ Bắc thuộc; tư tưởng triết học Việt Nam thời kỳ hình thành, củng cố quốc gia phong kiến độc lập và tư tưởng triết học Việt Nam thời kỳ tiến hành cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân.

6.30: 55HPT221, Lịch sử các học thuyết chính trị (2 tín chỉ)

Học phần Lịch sử các học thuyết chính trị góp phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản, chuyên sâu về các học thuyết chính trị trong lịch sử từ thời cổ, trung đại đến thời cận đại và hiện đại, qua đó giáo dục cho sinh viên thế giới quan khoa học về các vấn đề chính trị - xã hội.

Học phần Lịch sử các học thuyết chính trị góp phần hình thành và phát triển năng lực giao tiếp, phản biện đối với những quan điểm chính trị sai trái, thù địch đồng thời giáo dục và củng cố niềm tin của sinh viên vào thể chế chính trị ở Việt Nam.

6.31: 55HET321, Lịch sử học thuyết kinh tế (2 tín chỉ)

Là học phần cơ bản thuộc hệ thống kiến thức kinh tế cần trang bị cho người học, với ý nghĩa nhận thức được cơ sở lý luận và thực tiễn của việc hình thành các quan điểm, tư tưởng trong mỗi học thuyết kinh tế.

Nội dung cơ bản của học phần gồm đối tượng, phương pháp và chức năng nghiên cứu; lịch sử hình thành và phát triển, tính phê phán vốn có, thay thế hay bổ sung nội dung, tính lý luận và thực tiễn các học thuyết kinh tế trong lịch sử phát triển tư tưởng kinh tế của nhân loại từ thế kỷ XV đến nay; Trên cơ sở lập trường của kinh tế chính trị Mác - Lê nin, đánh giá tính hai mặt của từng học thuyết kinh tế nhằm bảo vệ tính kế thừa, đúng đắn, khoa học, thời sự và không ngừng được bổ sung phát triển của kinh tế chính trị Mác - Lê nin. Học phần cũng tiếp cận những học thuyết kinh tế của kinh tế học tư sản hiện đại với mục đích chỉ ra giá trị thực tiễn trong hoạch định chính sách kinh tế vi mô và vĩ mô cho nền kinh tế Việt Nam.

6.32: 55HST221, Lịch sử tư tưởng xã hội chủ nghĩa (2 tín chỉ)

Lịch sử tư tưởng xã hội chủ nghĩa cung cấp những kiến thức cơ sở, nền tảng góp phần trang bị cho sinh viên thế giới quan khoa học về chủ nghĩa xã hội. Trên cơ sở khái quát, lược khảo tư tưởng xã hội chủ nghĩa từ thời cổ, trung đại đến thời cận đại và hiện đại. Học phần Lịch sử tư tưởng xã hội chủ nghĩa làm rõ quá trình hình thành, các giai đoạn phát triển của chủ nghĩa xã hội khoa học, qua đó, giáo dục lập trường chính trị tư tưởng, củng cố niềm tin của sinh viên vào nền tảng tư tưởng của Đảng và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

6.33: 55EER221, Lý luận dân tộc và quan hệ dân tộc ở Việt Nam (2 tín chỉ)

Học phần học Lý luận dân tộc và Quan hệ dân tộc trang bị cho sinh viên những tri thức cơ bản về dân tộc và quan hệ dân tộc ở Việt Nam; luận giải tính khoa học, cách mạng trong những quan điểm cơ bản có ý nghĩa phương pháp luận của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về dân tộc, quan hệ dân tộc và đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam trong giải quyết vấn đề dân tộc. Qua đó, hình thành và phát triển ở sinh viên kỹ năng nhận diện những quan điểm sai trái, thù địch về vấn đề dân tộc ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.

6.34: 55SLA351, Pháp luật học (5 tín chỉ)

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về nguồn gốc, bản chất, hình thức, các kiểu nhà nước và pháp luật trong lịch sử, các vấn đề pháp lý cơ bản như: quy phạm pháp luật, quan hệ pháp luật, thực hiện pháp luật, vi phạm pháp luật, trách nhiệm pháp lý, ý thức pháp luật, giáo dục pháp luật, pháp chế xã hội chủ nghĩa, hệ thống pháp luật. Đồng thời học phần học cung cấp những kiến thức cơ bản về một số ngành luật quan trọng trong hệ thống pháp luật Việt Nam như: Luật Hiến pháp, Luật Hành chính, Luật Hình sự, Luật Dân sự, Luật Lao động, Luật Hôn nhân và gia đình,...

6.35: 55CPR321, Hiến pháp và định chế chính trị (2 tín chỉ)

Hiến pháp và định chế chính trị là học phần bắt buộc thuộc phần kiến thức ngành trong chương trình cử nhân Giáo dục chính trị. Học phần trang bị cho sinh viên hệ thống tri thức cơ bản về lịch sử lập hiến của Việt Nam, nội dung cơ bản của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013, vị trí pháp lý, cơ cấu tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn, hình thức hoạt động của Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ, Tòa án nhân dân, viện kiểm sát nhân dân, Hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân.

6.36: 55DEE331, Kinh tế phát triển (3 tín chỉ)

Học phần học nằm trong khối kiến thức ngành đào tạo cử nhân Giáo dục Chính trị, cung cấp những nội dung cơ bản về kinh tế học phát triển; các phạm trù cơ bản của kinh tế phát triển cũng như các nguyên tắc phát triển kinh tế và phát triển bền vững đối với các nước đang phát triển nói riêng, toàn thể các quốc gia trên thế giới nói chung. Học phần học này có quan hệ với các học phần khoa học xã hội và nhân văn, khoa học chính trị: Triết học Mác - Lênin, Kinh tế chính trị Mác – Lênin, Kinh tế học đại cương, Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Chính trị học, Những vấn đề thời đại ngày nay....

6.37: 55ECM331, Quản lý kinh tế (3 tín chỉ)

Học phần quản lý kinh tế thuộc hệ thống kiến thức kinh tế cần trang bị cho người học, với ý nghĩa là những kiến thức có tính liên ngành và tính ứng dụng thực tiễn cao.

Học phần nghiên cứu những nội dung cơ bản sau: Thứ nhất, những nguyên lý cơ bản của quản lý kinh tế, gồm vai trò, chức năng, phương pháp và nguyên tắc quản lý kinh tế; công cụ quản lý kinh tế, thông tin kinh tế và yêu cầu, quy trình ban hành, tổ chức thực hiện quyết định quản lý kinh tế. Thứ hai, những kiến thức cơ bản về văn hoá kinh doanh, đạo đức kinh doanh và trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp. Thứ ba, những nguyên lý cơ bản của khởi sự kinh doanh; cách thức hình thành ý tưởng kinh doanh và lập kế hoạch kinh doanh; yêu cầu chủ yếu để tạo lập doanh nghiệp. Thứ tư, những kiến thức cơ bản về tài chính, tín dụng, tiêu dùng; những kỹ năng, yêu cầu cơ bản đối với hoạt động tài chính, tín dụng và văn hóa tiêu dùng của cá nhân, gia đình.

6.38: 55TLC321, Lý luận và pháp luật về quyền công dân (2 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản, toàn diện về các vấn đề lý luận cũng như pháp luật về quyền công dân, bao gồm: khái niệm, đặc điểm, nội dung, lịch sử phát triển của quyền công dân trên thế giới và Việt Nam. Đồng thời, học phần giúp người học hiểu hơn về vai trò của các quy định pháp luật về quyền công dân, cơ chế và hệ thống đảm bảo quyền công dân ở một số nước trên thế giới và ở Việt Nam.

6.39: 55EDE341, Đạo đức học và giáo dục đạo đức (4 tín chỉ)

Học phần học nằm trong khối kiến thức cơ sở chuyên ngành. Cung cấp những kiến thức cơ bản về đạo đức học; các phạm trù đạo đức cơ bản; một số nguyên tắc đạo đức mới; một số yêu cầu về giáo dục phẩm chất đạo đức cá nhân; học tập và rèn luyện theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh và đạo đức người thầy giáo nhằm xây dựng đạo đức cá nhân, rèn luyện đạo đức nhà giáo trong dạy học, giáo dục và hướng nghiệp. Thực hiện được các kỹ năng cơ bản để giải quyết các tình huống đạo đức nảy sinh trong công việc và cuộc sống.

6.40: 55MOP321, Những vấn đề của thời đại ngày nay (2 tín chỉ)

Học phần những vấn đề cơ bản của thời đại ngày nay đề cập đến những nội dung cơ bản, cấp bách của thời đại ngày nay cũng như mối quan hệ giữa các quốc gia dân tộc trong giai đoạn hiện nay. Học phần được cấu trúc một cách có hệ thống các khái niệm, đặc trưng và tác động của những vấn đề cấp thiết toàn cầu hiện nay như: Bùng nổ dân số, ô nhiễm môi trường, vấn đề chiến tranh, dịch bệnh hiểm nghèo, vấn đề thất nghiệp, nghèo đói và tệ nạn xã hội. Đồng thời, học phần còn cung cấp cho người học những chính sách của Đảng, Nhà nước trước những vấn đề cấp thiết; nêu bật trách nhiệm của công dân trong giải quyết những vấn đề cơ bản của quốc gia, dân tộc gắn với những nội dung cấp bách toàn cầu. Học phần này có mối liên hệ mật thiết với các học phần triết học, kinh tế chính trị học, chủ nghĩa xã hội khoa học, đạo đức học, pháp luật học...

6.41: 55PBM341, Lịch sử triết học (4 tín chỉ)

Học phần này nằm trong khối kiến thức ngành, cung cấp cho sinh viên hệ thống những tri thức triết học đa dạng phong phú bao gồm: triết học phương Đông như: lịch sử triết học Ấn Độ cổ đại, lịch sử triết học Trung Quốc cổ đại; triết học phương Tây như: lịch sử triết học Hy Lạp cổ đại, lịch sử triết học thời kỳ Trung cổ, lịch sử triết học

thời kỳ Phục hưng và Cận đại, lịch sử triết học Cổ điển Đức, thời kỳ Triết học Mác – Lênin.

6.42: 55VSL321, Lịch sử nhà nước và pháp luật Việt Nam (3 tín chỉ)

Học phần Lịch sử nhà nước và pháp luật Việt Nam cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật Việt Nam qua các giai đoạn: sự hình thành nhà nước đầu tiên trong lịch sử Việt Nam; nhà nước và pháp luật giai đoạn đấu tranh chống đồng hóa của phong kiến Trung Quốc; nhà nước và pháp luật phong kiến Việt Nam (từ triều Ngô đến triều Nguyễn); chính quyền và luật thời Pháp thuộc; nhà nước và pháp luật Việt Nam từ cách mạng tháng Tám năm 1945 đến nay.

6.43: 55TEH321, Chuyên đề đạo đức Hồ Chí Minh (2 tín chỉ)

Chuyên đề đạo đức Hồ Chí Minh là học phần nghiên cứu về những vấn đề cơ bản của đạo đức cách mạng Hồ Chí Minh. Học phần cung cấp những vấn đề chung về đạo đức và vai trò của đạo đức cách mạng Hồ Chí Minh; tư tưởng, tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh. Qua đó, thấy được giá trị trường tồn trong tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam và cách mạng thế giới.

6.44: 55SSS321, Chuyên đề chủ nghĩa xã hội khoa học (2 tín chỉ)

Chuyên đề chủ nghĩa xã hội khoa học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản, chuyên sâu về những vấn đề cốt yếu của cách mạng xã hội chủ nghĩa: Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, vấn đề dân chủ, xây dựng nền dân xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, vấn đề chủ nghĩa xã hội hiện thực và triển vọng, vấn đề bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Qua đó, hình thành và phát triển ở người học năng lực giao tiếp, phản biện đối với các quan điểm sai trái, thù địch với hệ tư tưởng Mác – Lênin về chủ nghĩa xã hội, đồng thời củng cố niềm tin vào con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

6.45: 55SVP331, Chuyên đề lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (3 tín chỉ)

Chuyên đề Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam là học phần nghiên cứu về chủ trương, đường lối của Đảng qua các thời kỳ. Từ chương 1 đến chương 6 nghiên cứu về quá trình Đảng lãnh đạo thực hiện mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, nguyên nhân thắng lợi của cách mạng Việt Nam qua các thời kỳ, vai trò của khối đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế, xây dựng liên minh công – nông và trí thức, xây dựng chính quyền dân chủ nhân dân và một số kinh nghiệm. Chương 7 khẳng định vai trò quyết định của Đảng trong việc đưa cách mạng Việt Nam đến thắng lợi.

6.46: 55RPE321, Thực tế chuyên ngành GDCT (2 tín chỉ)

Học phần cung cấp những kiến thức thực tế về chính trị, xã hội của các địa phương, các cơ sở sản xuất, kinh doanh. Học phần được xây dựng còn nhằm cung cấp các kiến thức thực tế, giúp sinh viên gắn lý luận với thực tế, hình thành các năng lực nhận thức và giải quyết các vấn đề thực tế.

6.47: 55CPB321, Xây dựng đảng (2 tín chỉ)

Xây dựng Đảng là lý luận về đảng cách mạng của giai cấp công nhân - một bộ phận quan trọng trong hệ thống lý luận Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Học phần Xây dựng Đảng là khoa học về sự lãnh đạo của Đảng đối với xã hội; về những nguyên

tắc xây dựng nội bộ Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng; cung cấp những luận cứ, cơ sở khoa học cho việc hoạch định chủ trương, đường lối, nghị quyết của Đảng; trang bị cơ sở khoa học về nghiệp vụ công tác Đảng.

6.48: 55ACS321, Công tác đảng và đoàn thể trong trường phổ thông (2 tín chỉ)

Học Công tác đảng và đoàn thể trong trường học cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản về Công tác Đảng và đoàn thể trong trường học từ đối tượng nghiên cứu đến vị trí, vai trò tầm quan trọng của Đảng cũng như các tổ chức chính trị, xã hội trong trường học, quan đó thấy được tầm quan trọng phải xây dựng Đảng và các tổ chức đoàn thể chính trị xã hội trong trường học hiện nay.

6.49: 55PCW321, Giới thiệu tác phẩm kinh điển triết học (2 tín chỉ)

Học phần học nằm trong khối kiến thức chuyên ngành, cung cấp cho sinh viên kiến thức về những nguyên lý triết học cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin như chủ nghĩa duy vật biện chứng, chủ nghĩa duy vật lịch sử, những quy luật của phép biện chứng, sự vận dụng phương pháp biện chứng vào giải quyết các vấn đề chủ yếu của khoa học tự nhiên bước ngoặt cách mạng trong triết học, vấn đề thống nhất giữa phép biện chứng, lý luận nhận thức và lôgic học... mà C.Mác, Ph.Ăngghen và V.L.Lênin đã đưa ra trong tác phẩm của mình. Bao gồm các tác phẩm: Hệ tư tưởng Đức, Chống Duy linh, Biện chứng tự nhiên, Lút vich Phơ bách - Sự cáo chung về triết học cổ điển Đức do Mác - Ăng ghen viết. Tác phẩm Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán, Bút kí triết học do Lênin viết.

6.50: 55PEW321, Giới thiệu tác phẩm kinh điển kinh tế chính trị (2 tín chỉ)

Giới thiệu tác phẩm kinh điển kinh tế chính trị là học phần học cơ bản trong hệ thống kiến thức kinh tế cần trang bị cho người học, với ý nghĩa cung cấp thông tin về tác giả và nội dung nguyên gốc của các vấn đề lý luận trong học phần học kinh tế chính trị học.

Học phần có những nội dung cơ bản sau: Trên cơ sở trình bày hoàn cảnh ra đời, đối tượng, mục đích, phương pháp nghiên cứu và kết cấu của từng tác phẩm (tác phẩm *Tư bản* của K.Marx, tác phẩm *Chủ nghĩa đế quốc, giai đoạn tột cùng của chủ nghĩa tư bản* và tác phẩm *Bàn về thuế lương thực* của V.I.Lenin), học phần học đi vào nghiên cứu nội dung chi tiết của từng tác phẩm theo hướng phân tích nội dung lý luận của các tác giả, chỉ ra biểu hiện của các vấn đề lý luận trong thực tiễn lịch sử và hiện tại nhằm bảo vệ giá trị thời sự vô cùng to lớn của các tác phẩm kinh điển.

6.51: 55SSW321, Giới thiệu tác phẩm kinh điển chủ nghĩa xã hội khoa học (2 tín chỉ)

Giới thiệu tác phẩm kinh điển chủ nghĩa xã hội khoa học là học phần nằm trong hệ thống kiến thức chuyên ngành. Học phần góp phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nội dung, giá trị lý luận và thực tiễn trong các quan điểm của C. Mác, Ph.Ăngghen và V.I. Lênin về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, về tính tất yếu ra đời của chủ nghĩa xã hội khoa học, về hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa, về nhà nước, dân chủ, cách mạng xã hội chủ nghĩa và chuyên chính vô sản, về cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa cơ hội muốn phủ nhận học thuyết Mác – Lênin. Học phần học

góp phần hình thành, phát triển kỹ năng phản biện đối với những quan điểm sai trái, thù địch về một số vấn đề cốt yếu của chủ nghĩa xã hội đồng thời củng cố niềm tin của người học vào giá trị, ý nghĩa phương pháp luận của một số tác phẩm kinh điển chủ nghĩa xã hội khoa học của C. Mác, Ph.Ăngghen và V.I. Lênin.

6.52: 55HMW321, Tác phẩm Hồ Chí Minh (2 tín chỉ)

Học phần học giới thiệu một số tác phẩm tiêu biểu của Hồ Chí Minh nhằm phục vụ cho yêu cầu thực tiễn của cách mạng Việt Nam. Cụ thể: tác phẩm: Bản án chế độ thực dân Pháp; Tuyên ngôn độc lập; Sửa đổi lối làm việc; Nâng cao đạo đức cách mạng quét sạch chủ nghĩa cá nhân; Di chúc. Những tác phẩm Của Hồ Chí Minh có giá trị to lớn về lý luận và thực tiễn giúp cho việc hoạch định những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam. Đồng thời, là văn kiện quan trọng, cương lĩnh hành động của Đảng, qua đó, giúp người học hiểu hết về giá trị, vẻ đẹp của tư tưởng, tâm hồn, nhân cách vĩ đại của một con người cả cuộc đời vì nước vì dân.

6.53: 55EPS431, Tâm lý học giáo dục (3 tín chỉ)

Học phần học trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về tâm lý học giáo dục như: bản chất, chức năng, các hiện tượng tâm lý người; đặc điểm phát triển tâm lý trẻ em ở từng thời kỳ lứa tuổi; cơ sở tâm lý học của hoạt động dạy học; cơ sở tâm lý học của hoạt động giáo dục đạo đức. Đặc biệt, học phần học cung cấp cho người học những nội dung cơ bản về các nguyên tắc đạo đức và kỹ năng hỗ trợ tâm lí trong trường học để vận dụng vào việc giảng dạy, nghiên cứu tâm lý con người, hình thành và phát triển nhân cách học sinh, hỗ trợ học sinh giải quyết những khó khăn tâm lí.

6.54: 55PEP441, Giáo dục học (4 tín chỉ)

Giáo dục học là học phần học bắt buộc thuộc khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm trong chương trình đào tạo giáo viên. Học phần học đề cập đến những nội dung sau:

Giáo dục học là một khoa học về giáo dục con người; Các yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển nhân cách; Kiến thức về mục đích và nhiệm vụ giáo dục.

Kiến thức về lý luận dạy học như: khái niệm quá trình dạy học, cấu trúc, nhiệm vụ, bản chất của quá trình dạy học, quy luật, động lực, lôgic của quá trình dạy học; nguyên tắc và phương pháp dạy học, hình thức tổ chức tổ chức dạy học.

Kiến thức về lý luận giáo dục: Khái niệm quá trình giáo dục, đặc điểm, bản chất của quá trình giáo dục, lôgic của quá trình giáo dục; Các nguyên tắc và phương pháp giáo dục; kiến thức và kỹ năng tổ chức một số hoạt động giáo dục ở trường phổ thông.

Những yêu cầu về nhân cách người giáo viên, đặc điểm lao động sư phạm vai trò và nội dung công tác của giáo viên chủ nhiệm lớp trong môi trường đa văn hóa và cách mạng 4.0;

6.55: 55TMC431, Lý luận về PP và hình thức tổ chức dạy học GDCD, GDCT (3 tín chỉ)

Học phần Lý luận về phương pháp và hình thức tổ chức dạy học giáo dục công dân, giáo dục chính trị trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lý luận dạy học bộ học phần. Học phần giúp người học nắm được những nguyên tắc, yêu cầu cơ bản trong dạy học học phần GDCD, GDCT; hiểu được các hình thức dạy học chủ yếu gắn

với đặc thù của bộ học phần; hiểu được các phương pháp và phương tiện trong dạy học. Trên cơ sở đó, người học có thể vận dụng để xây dựng thành công kế hoạch dạy học gắn với từng nội dung bài học; thiết kế được các hình thức kiểm tra, đánh giá người học; có khả năng xử lý kết quả kiểm tra để đánh giá người học và điều chỉnh phương pháp dạy học của bản thân cho phù hợp. Học phần góp phần quan trọng trong định hướng, rèn luyện các năng lực cần thiết cho người học, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của xã hội với người giáo viên học phần GDCD, GDCT.

6.56: 55DTE421, Phát triển chương trình, SGK GDCD ở trường phổ thông (2 tín chỉ)

Học phần này thuộc khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm, cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về xây dựng chương trình, sách giáo khoa học phần Giáo dục công dân ở trường phổ thông. Bao gồm: những vấn đề chung về phát triển chương trình, sách giáo khoa; một số kinh nghiệm quốc tế về phát triển chương trình và sách giáo khoa; phân tích và xây dựng chương trình học phần GDCD ở nhà trường phổ thông; phân tích chương trình học phần GDCD trong chương trình phổ thông mới 2018 và xây dựng sách giáo khoa GDCD theo định hướng phát triển năng lực.

6.57: 55MCS441, Phương pháp dạy học học phần GDCD ở trường THCS (4 tín chỉ)

Học phần Phương pháp dạy học học phần Giáo dục công dân ở trường THCS trang bị những kiến thức cơ bản về dạy học học phần GDCD ở trường THCS, về những kiến thức của học phần GDCD lớp 6,7,8,9. Trang bị cho sinh viên những kỹ năng cơ bản để thiết kế được kế hoạch dạy học bộ học phần GDCD ở trường THCS; xây dựng được các kịch bản dạy học gắn với từng bài học. Học phần định hướng rèn luyện các năng lực cần thiết cho người học, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của xã hội với người giáo viên dạy học học phần GDCD ở trường THCS.

6.58: 55MEH441, Phương pháp dạy học học phần Giáo dục Kinh tế và Pháp luật ở trường THPT (4 tín chỉ)

Học phần Phương pháp dạy học giáo dục kinh tế và pháp luật ở trường THPT, trang bị những kiến thức cơ bản về lý luận dạy học học phần GDKT&PL ở phổ thông, về những kiến thức của học phần GDKT&PL lớp 10, 11, 12. Trang bị cho sinh viên những kỹ năng cơ bản để thiết kế được kế hoạch dạy học bộ học phần; xây dựng các kịch bản dạy học gắn với từng bài học. Học phần định hướng rèn luyện các năng lực cần thiết cho người học, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của xã hội với người giáo viên dạy học học phần GDKT&PL.

6.59: 55CTE421, kiểm tra đánh giá trong dạy học GDCD, GDCT (2 tín chỉ)

Học phần này thuộc khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm, cung cấp cho sinh viên kiến thức tổng quan về đánh giá trong giáo dục; quản lý kiểm tra đánh giá kết quả học tập trên lớp đối với học phần Giáo dục công dân, Giáo dục chính trị; xây dựng quy trình và kỹ thuật thiết kế đề kiểm tra học phần GDCD, GDCT theo hướng tiếp cận năng lực.

6.60: 55PGS421, Thực hành sư phạm GDCT (2 tín chỉ)

Nội dung cơ bản của học phần thực hành sư phạm GDCT là nhằm rèn luyện cho người học những kỹ năng cơ bản, cần thiết để người học có khả năng thực hiện thành thực các năng lực chuyên học phần thuộc lĩnh vực được đào tạo như kỹ năng thiết kế kịch

bản dạy học gắn với những nội dung kiến thức đặc thù, kỹ năng tổ chức dạy học học phần GDCD ở THCS và học phần GDKT&PL ở THPT theo định hướng phát triển năng lực người học, kỹ năng nhân diện và xử lý tình huống sư phạm để có thể đáp ứng được chuẩn đầu ra của sinh viên chuyên ngành giáo dục chính trị.

6.61: 55PGS422, Thực hành sư phạm GDCD ở trường THCS (2 tín chỉ)

Học phần Thực hành sư phạm học phần GDCD ở trường THCS là học phần quan trọng có ý nghĩa quyết định trong việc hình thành năng lực dạy học học phần GDCD ở trường THCS cho sinh viên. Học phần cung cấp cho sinh viên cách thiết kế các kế hoạch: kế hoạch dạy học học phần GDCD ở trường THCS của tổ bộ học phần, kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục, kế hoạch bài dạy học phần GDCD ở trường THCS. Học xong học phần sinh viên còn biết tổ chức và thực hiện thành công một giờ dạy học học phần GDCD ở trường THCS.

6.62: 55PGS431, Thực hành sư phạm GD KT&PL ở trường THPT (3 tín chỉ)

Học phần Thực hành sư phạm học phần Giáo dục Kinh tế và Pháp luật cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về những định hướng đổi mới thiết kế bài dạy học học phần Giáo dục kinh tế và pháp luật ở trường trung học phổ thông; những kiến thức và kỹ năng cơ bản để thiết kế giáo án và tổ chức thành công một giờ dạy học phần Giáo dục kinh tế và pháp luật ở trường phổ thông.

6.63: 55TRA421, Thực tập sư phạm 1 (2 tín chỉ)

Thực tập sư phạm 1 là một trong những hoạt động thực tiễn quan trọng đối với công tác đào tạo sinh viên các ngành sư phạm. Học phần giúp sinh viên làm quen với môi trường sư phạm, trực tiếp vận dụng các kiến thức, kỹ năng sư phạm đã được học để trực tiếp thực hiện những công việc ở trường phổ thông như làm công tác chủ nhiệm lớp, tổ chức các hoạt động trải nghiệm, dự giờ chuyên học phần... Qua công tác thực tập sư phạm 1, sinh viên sẽ có thêm kiến thức thực tế để điều chỉnh và đúc rút kinh nghiệm làm giàu tri thức bản thân.

6.64: 55TRA432, Thực tập sư phạm 2 (3 tín chỉ)

Thực tập sư phạm 2 là một trong những hoạt động thực tiễn quan trọng đối với công tác đào tạo sinh viên các ngành sư phạm. Bên cạnh việc thực hiện công tác chủ nhiệm lớp, tổ chức các hoạt động trải nghiệm, dự giờ chuyên học phần..., sinh viên thực hiện các hoạt động rất quan trọng là tiến hành soạn giáo án, giảng dạy trực tiếp trên lớp. Qua công tác thực tập sư phạm 2, sinh viên sẽ có thêm kiến thức thực tế để điều chỉnh và đúc rút kinh nghiệm làm giàu tri thức bản thân.

6.65: 55MTR421, Phương pháp luận NCKH ngành GDCT

Học phần học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về hoạt động nghiên cứu khoa học nói chung và nghiên cứu khoa học ngành Giáo dục chính trị nói riêng, bao gồm các vấn đề liên quan đến đề tài nghiên cứu khoa học, khóa luận, luận văn và luận án khoa học ngành Giáo dục chính trị; các phương pháp nghiên cứu khoa học ngành Giáo dục chính trị; những lĩnh vực nghiên cứu khoa học của ngành Giáo dục chính trị và đặc thù của phương pháp nghiên cứu khoa học ngành Giáo dục chính trị; cấu trúc của một công trình nghiên cứu khoa học thuộc chuyên ngành Giáo dục chính trị. Trên

cơ sở nền tảng đó, sinh viên được thực hành viết cấu trúc một đề tài nghiên cứu khoa học để tập dượt và trau dồi khả năng và niềm say mê nghiên cứu khoa học của mình.

6.66: 55PSC421, Xử lý tình huống sư phạm GDCD (2 tín chỉ)

Học phần Xử lý tình huống sư phạm học phần GDCD cung cấp các kiến thức cơ bản về xử lý tình huống sư phạm trong dạy học học phần GDCD như lý luận chung về tình huống sư phạm; các thành phần cơ bản của tình huống sư phạm học phần GDCD; các kỹ năng cơ bản trong xử lý tình huống sư phạm học phần GDCD; một số tình huống sư phạm thường gặp trong dạy học học phần GDCD. Học phần này có quan hệ với học phần phát triển kỹ năng con người và các học phần nằm trong khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm.

6.67: 55DIC421, Thiết kế các chủ đề dạy học tích hợp học phần giáo dục công dân (2 tín chỉ)

Học phần “Thiết kế các chủ đề dạy học tích hợp học phần giáo dục công dân” là một trong những học phần học góp phần bồi dưỡng và hình thành ở sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản trong thiết kế và tổ chức dạy học các chủ đề tích hợp học phần giáo dục công dân một cách hiệu quả theo tinh thần đổi mới giáo dục phổ thông 2018. Nội dung học phần tập trung làm rõ vai trò của tổ chức dạy học tích hợp nói chung và tổ chức dạy học tích hợp học phần giáo dục công dân ở phổ thông hiện nay. Đồng thời, giới thiệu quy trình xây dựng và tổ chức thực hành thiết kế một số chủ đề tích hợp trong dạy học học phần giáo dục công dân ở trung học phổ thông gắn với chương trình phổ thông tổng thể vừa được ban hành.

6.68: 55FAE421, Giáo dục gia đình (2 tín chỉ)

Học phần Giáo dục gia đình tiếp cận vấn đề gia đình ở bình diện lý luận về giáo dục nhân cách của trẻ. Trên cơ sở khái quát vai trò và chức năng cơ bản của gia đình qua các giai đoạn phát triển của đất nước, học phần khẳng định tính tất yếu của giáo dục gia đình và làm rõ những nguyên tắc, nội dung cơ bản và các phương pháp chủ yếu trong giáo dục gia đình. Dưới góc độ chính trị - xã hội, học phần Giáo dục gia đình còn tập trung nghiên cứu những vấn đề mới nảy sinh trong thực tiễn giáo dục gia đình làm rõ yêu cầu của việc phối hợp giữa gia đình, nhà trường và các thiết chế xã hội khác trong giáo dục trẻ.

6.69: 55SRH421, Giáo dục giới tính và sức khỏe sinh sản (2 tín chỉ)

Học phần trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức cơ bản về giới tính, sức khỏe sinh sản nói chung và sức khỏe sinh sản vị thành niên nói riêng cũng như Chiến lược quốc gia về chăm sóc sức khỏe sinh sản ở Việt Nam. Thông qua việc nghiên cứu học phần Giáo dục giới tính và sức khỏe sinh sản, sinh viên có cơ hội để tiếp cận kiến thức về giới tính và rèn luyện kỹ năng về giáo dục sức khỏe sinh sản. Từ đó, giúp cho người học hình thành những hành vi chuẩn mực về giới nhằm xây dựng cuộc sống tốt đẹp, lành mạnh, an toàn, khỏe mạnh cả về thể chất lẫn tinh thần.

6.70: 55EED421, Giáo dục môi trường (2 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho người học những vấn đề lý luận chung về môi trường gồm các khái niệm; các nội dung cơ bản về phát triển bền vững, về vai trò của việc bảo vệ môi trường trong để đảm bảo phát triển bền vững, về ô nhiễm môi trường sinh

thái và các nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường. Ngoài ra, học phần còn cung cấp những kiến thức cơ bản về giáo dục môi trường như việc cần thiết phải giáo dục ý thức bảo vệ môi trường, các nguyên tắc, các phương pháp giáo dục ý thức bảo vệ môi trường cho học sinh...

6.71: 55COS421, Giao tiếp sư phạm (2 tín chỉ)

Học phần học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về giao tiếp, giao tiếp sư phạm như: các giai đoạn của quá trình giao tiếp; nguyên tắc, phong cách, kỹ năng giao tiếp sư phạm, quy tắc ứng xử trong trường học. Từ đó hình thành ở người học những kỹ năng, thái độ tương ứng để xử lý có hiệu quả các tình huống giao tiếp trong thực tiễn và hoạt động nghề nghiệp.

6.72: 55POL904, Khóa luận tốt nghiệp (7 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức chuyên ngành chuyên sâu về khoa học giáo dục, khoa học lý luận chính trị. Giúp hình thành năng lực nghiên cứu khoa học, năng lực giải quyết các vấn đề giáo dục, lý luận chính trị và các năng lực chuyên biệt khác ở người học.

6.73: 55OWE931, Tổ chức hoạt động trải nghiệm trong dạy học GD CD (3 tín chỉ)

Học phần Tổ chức hoạt động trải nghiệm học phần giáo dục công dân góp phần hình thành, phát triển những năng lực cần thiết gắn với đặc thù bộ học phần GD CD cho người học. Thông qua lý thuyết học trải nghiệm, người học được tham gia trải nghiệm sáng tạo với bốn nhóm hoạt động chính: Hoạt động tự chủ (thích ứng, tự chủ, tổ chức sự kiện, sáng tạo độc lập...); Hoạt động câu lạc bộ (hội thanh niên, văn hóa nghệ thuật, thể thao, thực tập siêng năng...); Hoạt động tình nguyện (chia sẻ quan tâm tới hàng xóm láng giềng và những người xung quanh, bảo vệ môi trường); Hoạt động định hướng (tìm hiểu thông tin về hướng phát triển tương lai, tìm hiểu bản thân... Từ đó, giúp sinh viên định chuẩn được hành vi, bồi đắp lý tưởng và giáo dục tình cảm, niềm tin cho học sinh phổ thông qua các hình thức hoạt động trải nghiệm học phần học. Tổ chức hoạt động trải nghiệm học phần GD CD có quan hệ mật thiết với các học phần học như: triết học, tâm lý học, giáo dục học, đạo đức học, lý luận và phương pháp dạy học giáo dục công dân.....

6.74: 55MTM931, Phương pháp dạy học các môn khoa học Mác - Lênin (3 tín chỉ)

Học phần Phương pháp dạy học các học phần khoa học Mác – Lênin thuộc khối kiến thức thay thế khóa luận tốt nghiệp. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phương pháp dạy học các học phần khoa học Mác – Lênin. Sau khi học xong học phần này, người học có được những kỹ năng cơ bản để thiết kế và tổ chức dạy học các học phần khoa học Mác – Lênin đạt hiệu quả cao; hình thành ở người học khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm; khả năng vận dụng được kiến thức, kỹ năng chuyên học phần để phát triển kỹ năng dạy học các học phần khoa học Mác – Lênin theo hướng tiếp cận năng lực và đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản giáo dục hiện nay.

6.75: 55VPD931, Văn kiện Đảng (2 tín chỉ)

Văn kiện Đảng là học phần học nghiên cứu trực tiếp một số văn kiện của Đảng Cộng sản Việt Nam trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam từ năm 1930 đến nay.

Học phần học gồm 4 chương, các chương 1,2,3 nghiên cứu văn kiện Đảng trong cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân (1930-1975), chương 4 nghiên cứu văn kiện Đảng trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc (1975 đến nay).

6.76: 55ICM921, Phong trào cộng sản và công nhân quốc tế (2 tín chỉ)

Học phần học cung cấp những kiến thức cơ sở, nền tảng góp phần trang bị cho người học thế giới quan khoa học về lịch sử phong trào cộng sản và công nhân quốc tế: Từ phong trào công nhân trước độc quyền đến công xã Pa-ri; Phong trào công nhân quốc tế từ sau công xã Pa-ri đến năm 1917; Quá trình hoạt động của Quốc tế I; Quốc tế II; Quốc tế III; Cương lĩnh chung của phong trào cộng sản; Quá trình phục hồi và phát triển của phong trào công nhân quốc tế từ sau chiến tranh thế giới thứ II đến nay.

Với hệ thống kiến thức trên sẽ giúp người học nhận thức sâu sắc, chính xác về phong trào cộng sản và công nhân quốc tế qua các giai đoạn. Nắm rõ tính tất yếu và xu thế vận động trong cuộc đấu tranh thực hiện sứ mệnh lịch sử toàn thế giới của giai cấp công nhân.

6.77: 55PAM921, Triết học phi mác – xít hiện đại (2 tín chỉ)

Học phần học Triết học phi mác - xít hiện đại cung cấp các nội dung cơ bản về điều kiện ra đời và đặc điểm triết học của trường phái triết học phương Tây hiện đại với tư cách là một nền triết học mới trong lịch sử tư tưởng triết học nhân loại. Giới thiệu với người học các trào lưu triết học phi mác - xít xuất hiện cùng thời với triết học Mác, nhưng khác về bản chất so với chủ nghĩa Mác; đó là các trường phái: Chủ nghĩa Thực chứng, Chủ nghĩa Hiện sinh, Chủ nghĩa Freud, Chủ nghĩa thực dụng... Làm rõ mối liên hệ giữa lịch sử triết học phương Tây cổ đại, trung đại, cận đại và triết học Mác - Lênin với các trào lưu triết học phương Tây hiện đại.

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG KHOA
(Ký và ghi rõ họ tên)

TS. Nguyễn Thị Khương